

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU
MÃ CHỨNG KHOÁN: CMV

CAMEX

Luôn luôn đồng hành, luôn luôn chia sẻ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2015

CTY TN CAMAU

Trụ sở chính:

Địa chỉ : 70- 72 Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau

Điện thoại : 0780.3839220- 3838282

Fax : 0780.3834358- 3836893

Email : info@tncm.com.vn

Website : www.tncm.com.vn

MỤC LỤC

	Trang
↪ Thông điệp của Hội đồng quản trị	3
↪ Lịch sử hình thành công ty	5
↪ Vị thế của công ty trong ngành	9
↪ Triển vọng phát triển của ngành	10
↪ Mục tiêu, định hướng phát triển	14
↪ Cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý	15
↪ Thành phần Ban quản trị	19
↪ Báo cáo Hội đồng quản trị	29
↪ Báo cáo Ban Tổng giám Đốc	37
↪ Công ty con và công ty liên kết	48
↪ Cơ cấu tổ chức nhân sự	50
↪ Thông tin cổ đông và quản trị công ty	55
↪ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán	59

THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Quý cổ đông, quý khách hàng, các nhà đầu tư, đối tác cùng toàn thể người lao động Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau

Kính thưa quý vị, thay mặt HĐQT, người lao động Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau xin gửi đến quý vị cổ đông, quý đối tác, các nhà đầu tư lời cảm ơn chân thành nhất vì đã tiếp tục chia sẻ, đồng hành và tin tưởng ủng hộ chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Một năm lại trôi qua, với bao khó khăn thách thức. Xăng dầu giảm liên tiếp 12 lần trong năm 2015. Bách hóa bán buôn với Công ty Phú Thái, Công ty Phát Đạt cùng các đơn vị tư nhân kinh doanh nhỏ lẻ mở ra liên tục; điện máy với các đại gia như: Nguyễn Kim, Điện máy Chợ Lớn, Điện máy Xanh xuất hiện tại thị trường Cà Mau đã làm sinh động, phong phú hơn nhưng cạnh tranh lại càng nghiệt ngã và khốc liệt hơn.

Nhân sự biến động liên tục cùng với mặt trái cơ chế thị trường đang phân hóa mạnh mẽ và sâu sắc hệ thống nhân sự của Công Ty.

Nhưng với truyền thống đoàn kết, tập trung trí tuệ của cả tập thể, HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc cùng sự đồng thuận cao của người lao động, sự tín nhiệm của các đối tác, sự tin yêu của quý khách hàng. Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đã khắc phục mọi khó khăn, thách thức tiếp tục thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra ngày 15/05/2016 với kết quả khả quan như sau:

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	KH 2015	TH 2015	Tỷ lệ (%) so KH
01	Tổng doanh thu	4.200.000	4.074.238	97,00%
02	Lợi nhuận trước thuế	30.000	41.253	137,51%
03	Thuế TNDN	6.600	9.814	148,69%
04	Lợi nhuận sau thuế	23.400	31.440	134,35%
05	Cổ tức	15%	15%	100,00%

Qua kết quả trên chúng tôi nhận thức rằng, định hướng tái cấu trúc toàn diện và kinh doanh trong điều kiện luôn thích ứng với cơ chế thị trường là quyết sách đúng đắn của HĐQT đồng thời vẫn luôn duy trì quan điểm “Vừa kiên toàn vừa phát triển” trong năm 2016. Xác định nhân sự vẫn là vấn đề cơ bản và then chốt (luôn luôn biến động) nên việc đảm bảo thu nhập và các quyền lợi chính đáng của người lao động hầu giữ người và tạo dần sự ổn định về tổ chức đảm bảo sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty.

Với tình hình kinh doanh ngày càng khó và cạnh tranh khốc liệt, thị phần ngày càng bị phân nhỏ. Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau cần sự hỗ trợ của quý đối tác, các nhà đầu tư, để luôn vững tay chèo với quan điểm nhất quán “Tài chính sạch, trung thực, công khai minh bạch, ổn định đời sống người lao động, đảm bảo lợi ích của nhà đầu tư, Công ty luôn phát triển và bền vững”.

Vì vậy chúng tôi đã đề ra kế hoạch năm 2016 như sau:

- | | |
|-------------------------------|----------------------|
| 1/. Doanh thu | 4.000 tỷ đồng |
| 2/. Lợi nhuận sau thuế | 25 tỷ đồng |
| 3/. Cổ tức | 15% |

Một lần nữa, thay mặt HĐQT chúng tôi xin chân thành cảm ơn và mong nhận được sự ủng hộ, chia sẻ và đóng góp nhiều hơn nữa từ các nhà đầu tư, quý cổ đông, các đối tác, người lao động để thương hiệu Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (CMV) ngày càng được khẳng định và bền vững trên thị trường.

Kính chúc quý vị, quý cổ đông cùng gia đình năm 2016 luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau trước đây là Công ty Bách hóa Tổng hợp thị xã Cà Mau được thành lập từ những năm 1980. Hoạt động kinh doanh giai đoạn này gặp nhiều khó khăn do chủ yếu thực hiện theo chỉ tiêu kế hoạch của cấp trên giao kể cả về chủ trương chính sách bán hàng, hàng hóa, phạm vi địa bàn hoạt động... Từ năm 1987 – 1996, Công ty tiếp nhận thêm 05 doanh nghiệp nhà nước gồm: Công ty Nông sản thực phẩm thị xã Cà Mau (4/1987), Công ty Xuất Nhập khẩu thị xã Cà Mau (2/1988), Công ty Dịch vụ ăn uống thị xã Cà Mau (4/1990), Công ty Vật tư Tổng hợp thị xã Cà Mau (8/1990) và Công ty Dịch vụ Phát thanh Truyền hình Minh Hải (6/1996).

Ngày 10/10/1992, được sự đồng ý của Nhà nước, căn cứ vào quyết định 142/QĐ-UB của UBND tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau), Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thương Nghiệp Cà Mau được thành lập, với nguồn vốn ban đầu là 2,51 tỷ đồng (trong đó, vốn cố định 1,16 tỷ, vốn lưu động 1,35 tỷ). Sau khi được tái thành lập mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng với sự quyết tâm và nhiều giải pháp đồng bộ, Công ty đã từng bước củng cố, kiện toàn và đã đạt được những bước phát triển ổn định, năm sau cao hơn năm trước. Cuối năm 1996, sau khi chia tách tỉnh Minh Hải thành hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu, Công ty chuyển thành doanh nghiệp nhà nước trực thuộc tỉnh Cà Mau. Giai đoạn này, doanh thu của Công ty hàng năm đều tăng, chỉ tiêu kinh doanh, nộp Ngân sách do UBND tỉnh giao hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch, hệ thống mạng lưới kinh doanh, mạng lưới đại lý bán lẻ được hình thành ở tất cả các huyện, thành phố trong tỉnh Cà Mau và các tỉnh lân cận như Bạc Liêu, Sóc Trăng; cơ sở vật chất, phương tiện vận chuyển phục vụ kinh doanh tương đối hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

Năm 2007, thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp, UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 106/QĐ-UB ngày 06/02/2007 về việc cổ phần hóa Công ty Thương Nghiệp Cà Mau. Ngày 14/09/2007, phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt theo quyết định số 637/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cà Mau. **Ngày 28/11/2007, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (CAMEX).** Ngày 01/12/2007, Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau chính thức đi vào hoạt động.

động theo giấy Chứng Nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 với vốn điều lệ là 70 tỷ VNĐ.

Trong suốt quá trình hoạt động, với sự nỗ lực phấn đấu vươn lên không ngừng của tập thể CBCNV, đặc biệt là những năm đầu sau cổ phần hóa, Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau đã được các cấp lãnh đạo của tỉnh, Nhà nước ghi nhận và tặng thưởng nhiều danh hiệu, khen thưởng liên tục nhiều năm liền:

- **Huân chương lao động hạng nhì năm 1999.**
- **Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (1989-1999) năm 2000.**
- **Được xếp hạng Doanh nghiệp Nhà nước hạng I năm 2006.**
- **Huân chương độc lập hạng 3 năm 2007.**
- **Liên tục trong các năm 2005, 2007, 2008, 2009 Công ty được Thủ tướng chính phủ trao tặng cờ thi đua về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua.**
- **Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2006, 2008 (Top 200 Thương hiệu Việt Nam), 2009 , 2010, 2011, 2012, 2013 và năm 2015, (Top 100)**
- **Được xếp hạng trong bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam liên tục từ năm 2008 đến 2015 do Công ty cổ phần Báo Cáo Việt Nam (VN Report) phối hợp với Vietnamnet thực hiện.**
- **Cờ thi đua của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục từ năm 2003 đến năm 2010.**
- **Các bằng khen của UBND tỉnh Cà Mau về các thành tích xuất sắc trong các công tác xã hội, như công tác vận động quỹ “Đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa”, đóng góp ủng hộ quỹ “Vì người nghèo”....**

Quá trình tăng vốn

Năm phát hành	Các lần tăng vốn	VĐL tăng thêm (Đồng)	Vốn điều lệ lũy kế (đồng)	Hình thức tăng vốn
2007	Vốn điều lệ ban đầu		70.000.000.000	
2009	Vốn điều lệ	10.499.860.000	80.499.860.000	Phát hành cổ phiếu

Năm phát hành	Các lần tăng vốn	VDL tăng thêm (Đồng)	Vốn điều lệ lũy kế (đồng)	Hình thức tăng vốn
				thưởng 10% cho cổ đông hiện hữu và Esop cho cán bộ CNV tỷ lệ 5%
2010	Vốn điều lệ	15.293.520.000	95.793.380.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 năm 2009 tỷ lệ 19%
2011	Vốn điều lệ		95.793.380.000	
2012	Vốn điều lệ		121.039.120.000	Phát hành cổ phiếu thưởng 12% cho cổ đông hiện hữu, phát hành Esop cho cán bộ CNV tỷ lệ 5% và Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 8%
2013 đến nay	Vốn điều lệ		121.039.120.000	

TRỤ SỞ CHÍNH CỦA CÔNG TY

Số: 70-72 Đề Thám - Phường 2 - TP. Cà Mau



VỊ THẾ CỦA CÔNG TY TRONG NGÀNH

Kinh doanh xăng dầu:

Tình hình kinh doanh xăng dầu thời gian qua trên địa bàn thực hiện theo nghị định 84 của chính phủ quy định về việc kinh doanh xăng dầu. Do đó việc kinh doanh xăng dầu trên được sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước. Các đơn vị kinh doanh đã xây dựng được hệ thống phân phối từ doanh nghiệp đầu mối đến tổng đại lý và đại lý bán lẻ đảm bảo hàng hóa thông suốt phục vụ kịp thời cho sản xuất và tiêu dùng của người dân. Tại địa bàn Tỉnh Cà Mau có nhiều đầu mối tham gia kinh doanh như : Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau, Petrolimex Cà Mau, Chi nhánh Công ty CP Dầu khí Xăng dầu Bạc Liêu, Công ty Xuất Nhập Khẩu Đồng Tháp, Chi nhánh PVOil Mêkông tại Cà Mau. So với các doanh nghiệp đầu mối trên địa bàn, Công ty CP thương Nghiệp Cà Mau thời gian qua được xem là doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả và có ảnh hưởng lớn đến thị trường. Với hệ thống gồm 17 cửa hàng và hơn 200 đại lý bán lẻ phủ khắp địa bàn trong tỉnh Cà Mau, Công ty là đơn vị có mạng lưới bán lẻ xăng dầu lớn thứ hai sau Petrolimex Cà Mau, do đối thủ này có tiềm lực mạnh về tài chính và được sự hậu thuẫn của Petrolimex – là doanh nghiệp đầu mối đứng đầu cả nước hiện nay. Tuy nhiên, *về mảng bán buôn, Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau là doanh nghiệp đứng đầu tỉnh về thị phần và doanh số bán ra*, với hơn 30 năm trong ngành, Công ty đã tạo dựng được mối quan hệ làm ăn lâu dài với các đại lý và các khách hàng công nghiệp.

Lĩnh vực bách hóa:

Thị trường bách hóa Cà Mau hiện nay thì ngoài các cửa hàng tạp hóa nhỏ lẻ của các đơn vị tư nhân và hộ gia đình, chỉ có khoản 03 công ty chính thức hoạt động trong lĩnh vực này: Coopmart Cà Mau, Chi nhánh Công ty CP Dầu khí Xăng dầu Bạc Liêu, Công ty Cổ phần Nông sản Xuất khẩu Cà Mau . Xuất phát từ Cửa hàng bách hóa tổng hợp, *Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau được coi là Công ty đi đầu thị trường trong lĩnh vực này.* Với mô hình hiện đại và tiện dụng cùng hệ thống tự chọn lên tới 26 cửa hàng, Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau *chiếm khoảng 50% thị phần bán lẻ bách hóa tại địa bàn tỉnh.* Tuy mới xuất hiện vào năm 2012 nhưng Coopmart với hệ thống phân phối chuyên nghiệp và một số nhà phân phối bách hóa từ CBCNV Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau ra làm riêng sẽ là đối thủ cạnh tranh trực tiếp với Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau hiện tại và trong tương lai.

TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH

✚ Tổng quan thị trường xăng dầu:

Là mặt hàng chiến lược, thị trường xăng dầu Việt Nam hiện nay đang được sự quan tâm rất lớn của Nhà nước và cả người tiêu dùng. Tỷ lệ bán lẻ xăng dầu hiện nay chiếm 50 – 60%, so với con số 10% của những năm trước 2000, do đó sự biến động trong giá cả xăng dầu đã trở thành mối quan tâm lớn của công luận.

Hiện nay đang có 23 doanh nghiệp đầu mối được phép nhập khẩu xăng dầu, sau đó đưa xăng dầu tới tay người tiêu dùng thông qua các Tổng đại lý hoặc trực tiếp qua hệ thống phân phối bao gồm gần 10.000 đại lý và cửa hàng xăng dầu trên phạm vi cả nước, trong đó, có trên 8.000 cửa hàng thuộc của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, và 2.000 cửa hàng của các doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu. Hiện nay, ngoài Petrolimex VN và Saigon Petro đã có hệ thống đại lý trực tiếp, hầu hết các doanh nghiệp còn lại chủ yếu bán hàng thông qua những Tổng đại lý. Petrolimex, với việc tự chủ được hơn 6.000 cây xăng, trong đó 1.720 cây xăng thuộc chủ sở hữu, nắm giữ 57% thị phần, 18 doanh nghiệp đầu mối chia nhau 43% thị phần còn lại.

Năm 2007, với sự ra đời của Nghị định 55, kinh doanh xăng dầu được cho là có tính đột phá: kinh doanh theo cơ chế thị trường, tuy nhiên, theo nhận định của nhiều chuyên gia, nghị định này chưa thực sự vận hành, đặc biệt là điều khoản giá. Do xăng dầu là mặt hàng chiến lược, có ảnh hưởng mạnh tới mọi mặt của kinh tế, Nhà nước vẫn phải can thiệp vào việc kinh doanh mà chủ yếu là can thiệp vào giá. Điều này đã đưa đến tình trạng gần 10.000 cửa hàng bán lẻ xăng dầu Việt Nam đều có chung một mức giá bán lẻ như nhau, dù giá vốn của các doanh nghiệp đầu mối khác nhau, lãi lỗ của từng doanh nghiệp cũng khác nhau. Đặt quá nhiều mục tiêu trong 1 lít xăng, trong khi chỉ áp dụng 1 biện pháp duy nhất là bù giá, đã làm giá xăng nội địa không theo kịp giá thế giới, bằng chứng là khi giá thế giới giảm sâu thì giá trong nước giảm nhỏ giọt. Doanh nghiệp vẫn chưa có thực quyền về xác định giá bán. Tuy nhiên, từ ngày 15/12/2009, Nghị định 84 quy định rõ doanh nghiệp được phép điều chỉnh giá bán khi yếu tố cấu thành giá thay đổi – nghĩa là nhà nước bỏ cơ chế ấn định giá - các chuyên gia vẫn còn ngờ vực về một thị trường xăng dầu cạnh tranh thực sự theo cơ chế thị trường, khi một doanh nghiệp vẫn đứng ở vị trí gần như độc quyền với 60% thị phần.

Triển vọng phát triển lĩnh vực kinh doanh xăng dầu:

Xăng dầu là mặt hàng chiến lược, đáp ứng nhu cầu cho hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế như công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp và vận tải. Cho đến nay, vẫn chưa có một loại nhiên liệu nào có thể thay thế hữu hiệu cho nguồn năng lượng này, do đó, lượng sản phẩm bán ra không bị biến động nhiều dù giá cả bị ảnh hưởng bởi các nhân tố liên quan. Phát triển kinh doanh xăng dầu có mối quan hệ mật thiết với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Một nền kinh tế phát triển chắc chắn sẽ kéo theo nhu cầu sử dụng xăng dầu gia tăng.

Trung bình, cả nước mỗi tháng tiêu thụ khoảng 375.000 m³ xăng, tương đương khoảng 10 triệu lít/ ngày và 750.000m³ dầu tương đương 25 triệu lít/ ngày. Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước không ngừng tăng lên trong các giai đoạn sắp tới. Đề án Quy hoạch tổng thể phát triển ngành dầu khí cũng chỉ ra rằng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu ở Việt Nam trong giai đoạn này (năm 2011 - 2020) vào khoảng 6 - 7%/năm và khoảng 4 - 4,5%/năm từ năm 2021 – 2050.

Cách TPHCM 370 km, với hệ thống giao thông thuận tiện và đang được chú ý đầu tư phát triển, Cà Mau có thể coi là 1 vùng kinh tế nhiều tiềm năng trong tương lai. Nằm trong vùng tứ giác được đầu tư phát triển của Đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm Long Xuyên, Đồng Tháp Mười, Tây Sông Hậu và bán đảo Cà Mau, Nhà nước cũng như địa phương, tỉnh đang tích cực triển khai xây dựng những công trình đầu tư lớn như cảng hàng không Cà Mau, Quốc lộ 1A từ đất mũi Cà Mau, khu công nghiệp Khánh An, Năm Căn... và đặc biệt là khu liên hợp Khí - Điện - Đạm, với một nhà máy đạm công suất 800 ngàn tấn/ năm. Những công trình trọng điểm này đã tạo cho Cà Mau một diện mạo mới, mở ra cơ hội cho kinh tế Cà Mau phát triển, đồng thời, kéo theo nhu cầu sử dụng nguồn nhiên liệu, bao gồm cả xăng dầu, để vận hành nền kinh tế.

Với đặc thù là một miền sông nước với hệ thống sông ngòi dày đặc, phương tiện giao thông đường thủy là chính; tàu thuyền nhiều, các hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản. Các yêu cầu về phục vụ cho sản xuất, vận chuyển, lưu thông hàng hóa, đi lại của nhân dân rất lớn. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, tiềm năng lớn để phát triển thủy hải sản, sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản sẽ tăng lên đáng kể, đồng nghĩa với việc gia tăng nhu cầu sử dụng nhiên liệu cho ghe xuồng đánh bắt cá - đặc biệt là dầu DO. Những chính sách ưu đãi của Nhà nước cũng như những tín hiệu đáng mừng từ các thị trường xuất khẩu mới trên thế giới...

CỬA HÀNG XĂNG DẦU ĐỊNH BÌNH
Quốc lộ 1A - Ấp Cây Trâm - Xã Định Bình - TP. Cà Mau



CỬA HÀNG XĂNG DẦU HƯNG MỸ
Ấp Lý Ân - Xã Hưng Mỹ - Huyện Cái Nước - Tỉnh Cà Mau



Triển vọng phát triển lĩnh vực kinh doanh bách hóa:

Theo đánh giá mặc dù nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng hiện nay vẫn chưa hồi phục nhưng thị trường bán lẻ vẫn tiếp tục diễn ra sôi động, thu hút các nhà bán lẻ trong nước và quốc tế. Trong tương lai gần sẽ có thêm nhiều nhà bán lẻ lớn tham gia vào thị trường như Tesco (Anh), Wal-mart (Mỹ) và Fair-Price(Singapore). Điều này cho thấy triển vọng phát triển của thị trường bán lẻ là rất đáng kỳ vọng và khả quan.

Với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế trong thời gian tới, thu nhập và đời sống của người dân dần được cải thiện, từ đó, nhu cầu tiêu dùng cũng tăng theo, đó là điều kiện tốt để phát triển thị trường bán lẻ. Hiện nay, phần lớn người tiêu dùng có thói quen mua các mặt hàng thực phẩm (nhất là thực phẩm tươi sống) tại các chợ, các hộ kinh doanh độc lập. Trong những năm tới, cùng với quá trình đô thị hoá, thu nhập của dân cư tăng, ý thức về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm tốt hơn nên xu hướng mua hàng tại các loại hình siêu thị, cửa hàng chuyên doanh tăng cao, với tốc độ dự kiến trên 150%/năm.

Tỉnh Cà Mau với hơn 1,2 triệu dân, trong đó dân số nông thôn chiếm 75% nên nhu cầu tiêu dùng còn rất lớn. Với triển vọng và tiềm năng phát triển kinh tế của Cà Mau sẽ kéo theo nhu cầu chi tiêu cho các mặt hàng tiêu dùng tại đây tăng cao. Một điển hình cho triển vọng phát triển của lĩnh vực bách hóa như phiên chợ “Hàng Việt về nông thôn” đã được đông đảo người dân nông thôn ủng hộ. Các đợt đưa hàng Việt về nông thôn của công ty đều thu được kết quả hết sức khả quan trong các năm 2011- 2013. Ý thức người tiêu dùng ở nông thôn hiện nay đã quen dần với việc dùng hàng hóa sản xuất trong nước có chất lượng tốt và nói không với hàng Trung Quốc vốn để lại rất nhiều tai tiếng về chất lượng trong thời gian qua

Xuất khẩu hàng thủy hải sản tại Tỉnh Cà Mau đứng đầu cả nước trong nhiều năm liền, là thế mạnh của Tỉnh vừa tạo ra nguồn thu lớn cho Tỉnh vừa tạo ra công ăn việc làm ổn định thu nhập cao cho người dân. Từ đó đã thúc đẩy nhu cầu mua sắm, trang bị của bà con nông ngư dân.

Việc khôi phục lại phương thức kinh doanh truyền thống kết hợp 01 vụ lúa, 01 vụ tôm đã tạo nên thu nhập ổn định cho người dân, từ đó góp phần gia tăng sức cầu cho thị trường hàng tiêu dùng.

MỤC TIÊU - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Với mục tiêu phát triển ổn định bền vững, tương xứng với vị thế và tiềm năng, nâng cao uy tín thương nghiệp của Công ty, mở rộng thị phần duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm từ 5% đến 12%, đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư và cổ đông, nâng cao đời sống của người lao động.

- Trước mắt, Công ty vẫn tập trung vào thị trường Cà Mau, với lĩnh vực xăng dầu, Công ty tiếp tục giữ vững thị phần bán buôn đồng thời phát triển nâng cao thị phần bán lẻ bằng cách mở rộng hệ thống các cửa hàng, phát triển hệ thống đại lý bán lẻ đến các vùng sâu, vùng xa nhằm khai thác đặc thù của thị trường này, với mục tiêu mỗi năm mở thêm 1-2 cây xăng mới nằm trên các vị trí đặc địa, nhằm đáp ứng nhu cầu nhiên liệu ngày càng cao của tỉnh. Đối với kinh doanh bách hóa, Công ty đang mở rộng sang các tỉnh lân cận như Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, khai thác tối đa tiềm năng của các tỉnh này. Với phương thức bán buôn – bán buôn lẻ và bán lẻ
- **Phấn đấu trở thành nhà phân phối chuyên nghiệp cho các nhãn hàng nổi tiếng trên thị trường** ở tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu và Sóc Trăng
Phát huy lợi thế tối đa các ngành nghề khác để gia tăng lợi nhuận như: Kim khí điện máy, nông ngư cơ, vật liệu xây dựng, gia công chiết nạp gas...
- Xây dựng chiến lược phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu của công ty phù hợp với Đề án quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC GIAI ĐOẠN 2013 - 2017.

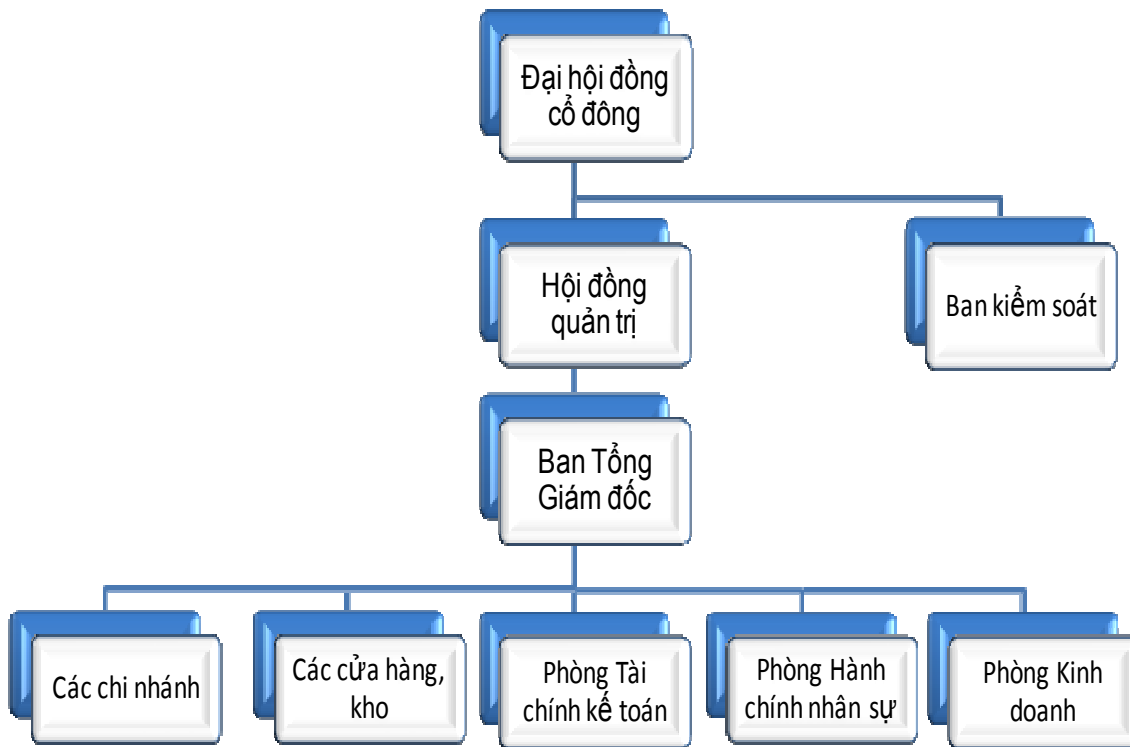
Bảng: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2013 – 2017.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014	2015	2016	2017
Vốn điều lệ	tỷ đồng	121	121	121	121	121
Doanh thu thuần	tỷ đồng	4.200	4.200	4.200	4.000	4.200
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	30	30	30	32	34
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	23,4	23,4	23,4	24,9	26,5
Tỷ lệ trả cổ tức	%	15 %	15%	15%	15%	16%

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY

- Công ty được tổ chức hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- Công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và 03 phòng ban, 02 đơn vị thành viên, 04 Chi nhánh và 44 Cửa hàng trực thuộc.
- Công ty có cơ cấu bộ máy quản lý theo đúng mô hình công ty cổ phần bao gồm:

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý



*** Đại hội đồng Cổ đông:**

Đại hội đồng Cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Đại hội đồng Cổ đông có quyền xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ

đồng Công ty, quyết định tổ chức lại và giải thể công ty và thông qua định hướng phát triển của Công ty. Và các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

✳ **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của công ty, gồm 05 (năm) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Hội đồng quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Và các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

✳ **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại Hội Đồng Cổ đông, bao gồm 3 (ba) thành viên, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Và các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

✳ **Ban Tổng Giám Đốc:**

Ban Tổng giám đốc Công ty bao gồm 1 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc. Tổng giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành và quyết định cao nhất mọi hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc:

- Quyết định tất cả các vấn đề có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
- Quyết định lương và các phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
- Tuyển dụng lao động.
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.
- Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Nhiệm vụ chức năng các phòng ban:

▪ **Phòng kinh doanh**

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty các mặt công tác về quản lý điều hành kinh doanh, quan hệ với đối tác, khách hàng, mở rộng phát triển thị trường xây dựng kế hoạch và định hướng kinh doanh.
- Đề xuất chính sách về bán hàng, chính sách giá cho từng lĩnh vực, từng thị trường, từng thời điểm và tổ chức thực hiện khi được sự chấp thuận của Ban Tổng Giám đốc.
- Tổ chức khai thác các nguồn hàng bảo đảm thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Soạn thảo các văn bản, hợp đồng kinh tế ký với các đối tác và theo dõi việc thực hiện hợp đồng, lưu trữ quản lý hợp đồng.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc vận chuyển hàng hóa, giao nhận hàng, quản lý hàng tồn kho,... Thực hiện việc tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Kiểm tra việc tổ chức hoạt động kinh doanh, việc thực hiện chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến hoạt động kinh doanh của các đơn vị, bộ phận trực thuộc kịp thời đề xuất xử lý giải quyết những vướng mắc trong quá trình kinh doanh tạo thuận lợi cho các đơn vị bộ phận hoạt động.

▪ **Phòng Tài chính kế toán và tin học**

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về việc tổ chức bộ máy kế toán, điều hành hạch toán, quyết toán về hoạt động kinh doanh, quản lý vốn, nguồn vốn đúng quy định của pháp luật.
- Lập báo cáo kế toán, phân tích so sánh hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc kiểm tra kiểm soát, thực hiện kế hoạch của Công ty.
- Theo dõi công nợ phải thu, phải trả phản ảnh kịp thời và quản lý tốt việc thu chi tiền mặt, tiền gửi, thanh toán nội bộ, thanh toán cho khách hàng.
- Kiểm tra kiểm soát chặt chẽ chứng từ hóa đơn phát sinh trong việc nhập, xuất, mua bán hàng hóa, công tác phí, giao dịch, vận chuyển, văn phòng phẩm, điện nước và các khoản phí phục vụ cho hoạt động kinh doanh của toàn Công ty.
- Theo dõi các hợp đồng kinh tế đã ký với khách hàng, đối tác kịp thời thanh lý các hợp đồng đã thực hiện xong.
- Thực hiện quyết toán quý 6 tháng, 9 tháng, năm theo quy định.
- Có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị, bộ phận trực thuộc thực hiện nghiệp vụ công tác kế toán theo quy định và quản lý giám sát việc thực hiện.
- Thực hiện đúng nguyên tắc, quy định quản lý tài chính trong việc ghi chép phản ảnh đầy đủ chính xác, trung thực, kịp thời toàn bộ tài sản, hàng hóa, vật tư, tiền vốn phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- Lập kế hoạch tài chính, cân đối các nguồn vốn bảo đảm cho kế hoạch kinh doanh, sửa chữa, mua sắm phương tiện, xây dựng mở rộng mạng lưới của Công ty.

- Tổ chức kiểm kê theo định kỳ để đánh giá tài sản hàng hóa toàn Công ty và đề xuất xử lý những tồn tại phát sinh.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc các đề án, dự án khả thi về xây dựng, sửa chữa, mua sắm tài sản, công cụ phục vụ kinh doanh theo đúng yêu cầu cần thiết, tiết kiệm, hiệu quả tránh gây thất thoát lãng phí.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc xây dựng chương trình quản lý và ứng dụng công nghệ-tin học phục vụ cho công tác quản lý, kinh doanh.
- Chịu trách nhiệm quản lý các dữ liệu, quản lý lưu trữ hồ sơ kế toán, quyết toán, báo cáo theo quy định của pháp luật.

▪ **Phòng hành chính nhân sự:**

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về tuyển dụng, đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật; quản lý tổ chức cán bộ, xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ, bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề cho NLD toàn Công ty.
- Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
- Theo dõi biến động tăng giảm lao động, nghiên cứu đề xuất việc tổ chức bộ máy các phòng và đơn vị trực thuộc.
- Quản lý, sử dụng chặt chẽ con dấu của Công ty, thực hiện cấp công lệnh, lệnh điều động phương tiện ghe, xe đi công tác, giấy nghỉ phép năm và các văn bản thông thường khác trong phạm vi trách nhiệm được sự ký duyệt của Ban Tổng Giám đốc hoặc sự ủy quyền của Tổng Giám đốc Công ty.
- Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan, trật tự an ninh xã hội trong Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Quản lý việc thực hiện trong công việc chi phí văn phòng phẩm, phương tiện, dụng cụ làm việc đề xuất biện pháp thực hành tiết kiệm trong sử dụng.
- Thực hiện và tham gia công tác bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, phòng cháy chữa cháy và an toàn vệ sinh lao động.
- Hàng năm kết hợp với các phòng ban tham gia xây dựng xét duyệt đơn giá tiền lương cho đơn vị.

THÀNH PHẦN BAN QUẢN TRỊ

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- **Hội đồng quản trị Công ty:** Gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu nhiệm kỳ 05 năm lần thứ hai (2013-2017).

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm rất cao, đưa ra các quyết định đúng đắn vì lợi ích cao nhất của Công ty.

- Năm 2015 HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp và đã thống nhất ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị với nội dung quyết định các mục tiêu, chiến lược thực hiện phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Thành phần HĐQT:**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Bà Nguyễn Thị Việt Anh	Chủ tịch	04/05/2013	
02	Ông Lê Xuân Trình	Thành viên	04/05/2013	
03	Bà Trần Ngọc Diệp	Thành viên	15/05/2015	
04	Ông Thái Trường An	Thành viên	04/05/2013	
05	Ông Dương Du Minh	Thành viên	04/05/2013	

- **Tóm tắt lý lịch HĐQT:**

a. Bà Nguyễn Thị Việt Anh:

- Giới tính : Nữ

- Sinh ngày : Ngày 01 tháng 12 năm 1956

- Nơi sinh : Xã Trần Hợi – Huyện Trần Văn Thời – Tỉnh Cà Mau

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Xã Trần Hợi – Huyện Trần Văn Thời – Tỉnh Cà Mau

- Địa chỉ thường trú: Số 184 Ngô Quyền – K1 – P9 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau

- Điện thoại : CQ: 0780. 3822772 ĐD: 0913. 893233

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế – Khoa Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 6/1975 đến tháng 8/1978 công tác tại UBND thị xã Cà Mau và Phòng Thống kê - Kế hoạch thị xã Cà Mau.

+ Từ tháng 8/1978 đến tháng 11/1982 chuyển về Cửa hàng bách hoá tổng hợp thị xã Cà Mau làm Kế toán trưởng Cửa hàng.

+ Từ tháng 11/1982 thành lập Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Cà Mau (nay là Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau) giữ các chức vụ: Kế toán trưởng, Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch, Phó Giám đốc, Giám đốc Cty.

+ Từ 28/11/2007 Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đến nay.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP In Bạc Liêu

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sách Thiết Bị Cà Mau

+ Ủy viên HĐQT Công ty CP Cà Phê PETEC

- Số cổ phần nắm giữ: 390.653 cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 602.027 cổ phần

Trong đó: + Chồng: Nguyễn Văn Hậu: 374.465 cổ phần

+ Em ruột: Nguyễn Việt Hùng: 115.822 cổ phần

+ Em ruột: Nguyễn Thị Việt Ngọc: 103.824 cổ phần

+ Em ruột: Nguyễn Việt Phương: 7.916 cổ phần

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

b. Ông Lê Xuân Trình:

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : Ngày 16 tháng 01 năm 1961

- Nơi sinh : Tỉnh Hưng Yên

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Tỉnh Hưng Yên

- Địa chỉ thường trú: Số 91/18A1 đường Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại: CQ: 08-39106990 ĐĐ: 0903. 800173

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư kinh tế, Kỹ sư Địa Vật lý.

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 12/2006 – 06/2008: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC).

+ Từ tháng 07/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

+ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam(PVOIL) kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS) .

- Số cổ phần nắm giữ: 2.158 cổ phần
- Số cổ phần đại diện: 1.662.534 cổ phần (Nhà đầu tư chiến lược: Tổng Công ty Dầu Việt Nam- Công ty TNHH Một Thành Viên)
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

c. Bà Trần Ngọc Diệp:

- Giới tính : Nữ
- Sinh ngày : Ngày 12 tháng 12 năm 1969
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 28F Mai Thị Lựu, Phường ĐaKao, Quận 1 , TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại cơ quan: 08-39106990
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh.
- Quá trình công tác:
 - +1995-1996: Chuyên viên phòng Xuất Dầu Thô – Công ty Thương Mại Dầu Khí Petechim
 - + Từ tháng 9/1996 – 2/2008: Chuyên viên phòng Kinh Doanh Sản Phẩm – Công ty Thương Mại Dầu Khí Petechim
 - + Từ tháng 3/2008 – 6/2008: Phó phòng Kinh Doanh Sản Phẩm – Tổng Công ty Thương Mại Dầu Khí Petechim
 - + Từ tháng 7/2008 – 5/2010: Phó Giám đốc Ban Kinh Doanh Sản Phẩm Dầu – Tổng Công ty Dầu Việt Nam PV OIL
 - + Từ tháng 6/2010 – 9/2011: Phó Giám Đốc Ban Kế Hoạch - Tổng Công ty Dầu Việt Nam PV OIL
 - + Từ tháng 9/2011 - 10/2011: Ban công tác thành lập công ty cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Dầu Khí Miền Nam
 - + Từ tháng 10/2011 – 8/2012: Phó Giám đốc công ty cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Dầu Khí Miền Nam
 - + Từ tháng 8/2012 – nay: Phó ban Kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Dầu Việt Nam PV OIL.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện: 1.273.490 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

d. Ông Thái Trường An:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 12 tháng 10 năm 1970
- Nơi sinh : Xã Khánh Hòa – Huyện U Minh – Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Khánh Hòa – Huyện U Minh – Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: **Số 89 Đỗ Thừa Tự – Phường 1 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau.**
- Số điện thoại: CQ: 0780. 3839499 ĐD: 0913. 893491
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính-Kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 09/1992 -> 10/1994 Kế toán Công ty Liên doanh Euro Gành Hào.
 - + Từ tháng 11/1994 -> 03/1997 Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 04/1997 -> 01/2007 Kế toán trưởng Cty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ 02/2007 -> 11/2007 Phó Giám đốc Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ 28/11/2007 Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được bầu làm Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau đến nay.
- Số cổ phần nắm giữ: 129.459 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 4.717 cổ phần
 - Trong đó: - Vợ: Đặng Cẩm Lệ : 4.692 cổ phần
 - Em ruột: Thái Thị Thùy Trang : 2 cổ phần
 - Em ruột: Thái Bào Ninh : 23 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

e. Ông Dương Du Minh:

- Giới tính : Nam

- Ngày sinh : Ngày 26 tháng 01 năm 1966
- Nơi sinh : TP. Bạc Liêu – Tỉnh Bạc Liêu
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tỉnh Bạc Liêu
- Địa chỉ thường trú: Số 174A, Trần Hưng Đạo Phường 5 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Số điện thoại: CQ: 0780. 3835028 ĐD: 0913. 990871
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Ngân Hàng
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 1987 -> 1994 : Làm việc tại Ngân hàng Công Thương Thị xã Bạc Liêu
 - + Từ tháng 1995 -> nay : Làm việc tại Ngân hàng Ngoại Thương Cà Mau.
 - + Ngày 04/05/2013 tại Đại hội đồng cổ đông họp thường niên năm 2013 được bầu vào Ủy viên HĐQT Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Cà Mau.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

2. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH:

- **Ban Tổng Giám đốc điều hành:** Có 03 thành viên, đứng đầu là Tổng Giám đốc. Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện hoàn thành các quyết định của HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên ban điều hành đã sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực của Công ty trong năm qua.

- **Thành viên Ban Tổng Giám đốc:**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc	28/12/2007	
02	Ông Thái Trường An	Phó TGD	28/12/2007	
03	Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc	Phó TGD	30/12/2009	

04	Ông Phù Chí Anh	Phó TGD	02/01/2013	
----	-----------------	---------	------------	--

- Tóm tắt lý lịch Ban Tổng Giám đốc:

a. Tổng Giám đốc - Bà Nguyễn Thị Việt Ánh:

(Như điểm a phần 1)

b. Phó Tổng Giám đốc - Ông Thái Trường An:

(Như điểm d phần 1)

c. Phó Tổng Giám đốc - Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc:

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : Ngày 19 tháng 05 năm 1971
- Nơi sinh : Thị xã Cà Mau – Tỉnh Minh Hải
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thị xã Cà Mau – Tỉnh Minh Hải
- Địa chỉ thường trú: Số 90A/58 Âu Dương Lân, P3, Q8, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: CQ: 0780. 3831072 ĐD: 0903. 662349
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Thương mại
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 6/1994 đến tháng 3/1998 Nhân viên Cty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 4/1998 đến tháng 11/2002 Kế toán Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Cty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 12/2002 đến tháng 11/2004 Phó Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Cty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 12/2004 đến tháng 6/2008 Trưởng Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Cty CP Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 7/2008 đến 12/2009 Trưởng Chi nhánh Cty tại TP. Hồ Chí Minh.
 - + Từ tháng 01/2010 đến nay Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau.
- Số cổ phần nắm giữ: 103.824 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 627.837 cổ phần
 - Trong đó: + Chị ruột : Nguyễn Thị Việt Ánh: 390.653 cổ phần
 - + Anh ruột : Nguyễn Việt Hùng: 115.822 cổ phần
 - + Chị ruột : Nguyễn Việt Phượng: 7.916 cổ phần
 - + Chồng : Phan Tiến Dũng: 113.446 cổ phần

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

d. Phó Tổng Giám đốc - Ông Phù Chí Anh:

- Giới tính : Nam

- Ngày sinh : Ngày 23 tháng 8 năm 1974

- Nơi sinh : TP. Đà Lạt – Tỉnh Lâm Đồng

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Hoa

- Quê quán : Tỉnh Ninh Thuận

- Địa chỉ thường trú: Số 165/16 Rạch Chùa – Phường 4 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau

- Số điện thoại: CQ: 0780. 3839220 ĐD: 0913. 699669

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 02/1998 -> 12/2001 Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau

+ Từ tháng 01/2002 -> 01/2007 Phó phòng Kinh tế-Kỹ thuật Công ty Thương nghiệp Cà Mau.

+ Từ tháng 02/2007 -> 11/2007 Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính-Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau.

+ Từ 12/2007 đến tháng 12/2013 Kế toán trưởng Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau.

+ Từ ngày 02/01/2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

+ Ủy viên HĐQT Công ty CP In Bạc Liêu.

- Số cổ phần nắm giữ: 92.269 cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 6.502 cổ phần

Trong đó: - Vợ: Quách Duy Tâm: 6.502 cổ phần

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

3. BAN KIỂM SOÁT:

- **Ban Kiểm soát:** Có 03 thành viên, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động và điều hành của Công ty. Ban Kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

- **Các thành viên Ban Kiểm soát:**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Ông Trần Chí Hiếu	Trưởng ban	04/05/2013	
02	Ông Nguyễn Tấn Tài	Thành viên	04/05/2013	
03	Ông Ngô Thế Anh	Thành viên	04/05/2013	

- Tóm tắt lý lịch Ban Kiểm soát

a. Ông Trần Chí Hiếu:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 05 tháng 7 năm 1962
- Nơi sinh : Xã An Xuyên – Thành phố Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã An Xuyên – Thành phố Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: 219 Lý Thường Kiệt – Phường 6 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0780. 2241101 DD: 0913. 893498
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính-Kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 09/1981 -> 04/1997 giữ các chức vụ: Kế toán, Kế toán trưởng Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 05/1997 -> 11/2007 Phó Giám đốc Cty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 12/2007 đến nay giữ các chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau, Giám đốc Cty TNHH một thành viên Bách Việt.
- Số cổ phần nắm giữ: 74.967 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

b. Ông Nguyễn Tấn Tài:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 26 tháng 04 năm 1985
- Nơi sinh : Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Định

- Địa chỉ thường trú: 11 9ường 9B, khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại liên lạc: DD: 0908.269252
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân – Quản trị kinh doanh Học viện Phát triển Quản lý Singapore.
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 05/2011 đến nay: Chuyên viên đầu tư Chi nhánh phía Nam- Tổng Công ty đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Thành viên Ban kiểm soát - Công ty CP phát triển Nhà Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

c. Ông Ngô Thế Anh:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 15 tháng 07 năm 1983
- Nơi sinh : Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Cà Mau.
- Địa chỉ thường trú: 72K đường Kinh xáng Bạc Liêu, Khóm 6, Phường 6, TP. Cà Mau
- Số điện thoại: : 0977.765875
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 7/2006 – tháng 05/2008 : Nhân viên Ban Pháp chế- Công ty CP Tập đoàn Mai Linh.
 - + Từ tháng 5/2008 – tháng 02/2011: Chuyên viên Ban Thanh tra Pháp chế- Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil).
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

4. THÙ LAO HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, năm 2014 Công ty đã chi thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát và Thư ký HĐQT là: 444.000.000 đồng

- Tổng thù lao chi cho HĐQT : 324.000.000 đồng

- Tổng thù lao chi cho Ban Kiểm soát : 96.000.000 đồng
- Tổng thù lao chi cho Thư ký HĐQT : 24.000.000 đồng

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

- Tổng tài sản tăng từ 592,21 tỷ đồng lên 620,78 tỷ đồng tăng 4,64% so với năm 2014.

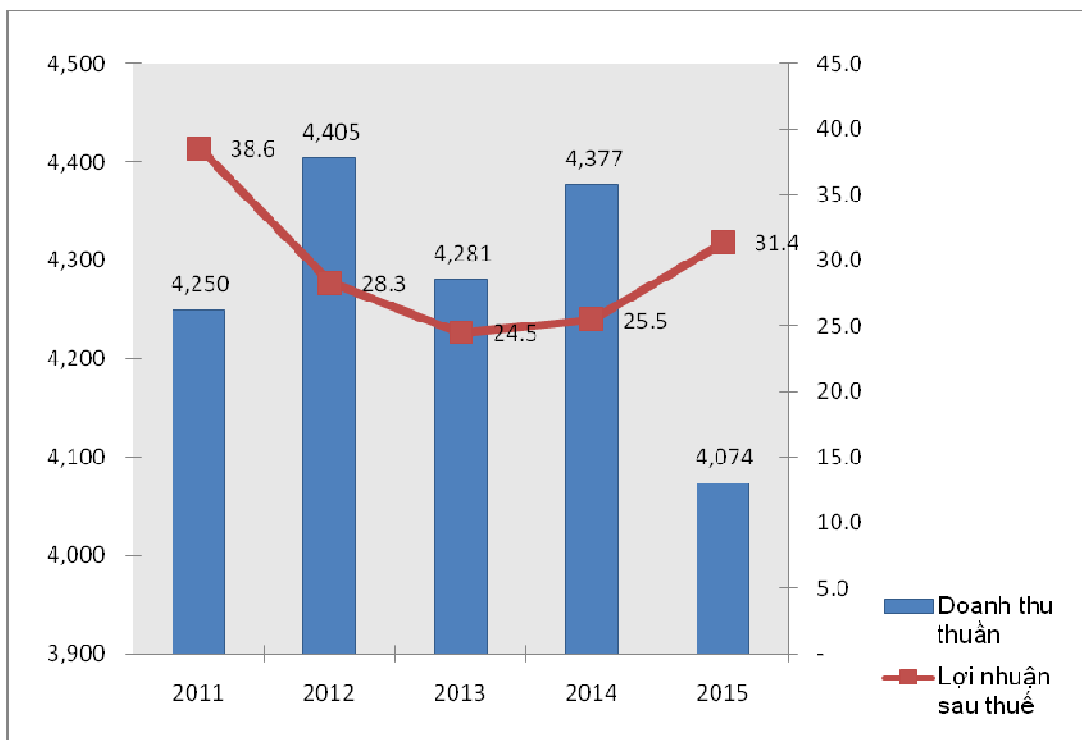
- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt: 4.074 tỷ đồng giảm 6,93% so với năm 2014, đạt 97% chỉ tiêu kế hoạch năm 2015.

- Lợi nhuận trước thuế đạt: 41,253 tỷ đồng tăng 23,20% so với năm 2014, đạt 137,51% chỉ tiêu kế hoạch

- Lợi nhuận sau thuế đạt: 31,4 tỷ đồng tăng 23,18% so với năm 2014, đạt 134,18% chỉ tiêu kế hoạch.

Với điều kiện kinh doanh khó khăn như năm 2015 thì kết quả lợi nhuận như trên một lần nữa đã khẳng định xu thế phát triển bền vững của công ty trong tương lai.

Biểu đồ kết quả kinh doanh qua các năm 2011-2015



Nguồn: Báo cáo phân tích doanh thu- lợi nhuận CMV năm 2011-2015

2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SO VỚI CHIẾN LƯỢC, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Theo định hướng chiến lược *mỗi năm Công ty sẽ xây dựng thêm từ 01-03 cửa hàng mở rộng mạng lưới kinh doanh phủ xuống các huyện trong Tỉnh Cà Mau* và các địa bàn trọng điểm ở 03 Tỉnh bạn: Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang. Thực tế từ sau khi cổ phần hóa mạng lưới kinh doanh của công ty phát triển không ngừng từ năm 2008 đến nay thành lập mới 03 công ty con, 01 chi nhánh, 01 Trạm chiết nạp gas công suất 600 tấn/tháng và 13 cửa hàng mới. Theo đó doanh thu của Camex cũng không ngừng phát triển, vị thế của công ty ngày càng được củng cố, trở thành một thương hiệu lớn được đông đảo người tiêu dùng, nhà đầu tư trong nước quan tâm, biết đến.

Nâng cao tính minh bạch về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, kịp thời trong công bố thông tin tạo điều kiện cho cổ đông và nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát mọi diễn biến về tình hình hoạt động của công ty.

Thực hiện tốt các quy định về quản lý thuế, nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước cũng như chuẩn mực về kế toán Việt Nam hiện hành. Tích cực ủng hộ các quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào gặp thiên tai lũ lụt.

Hoạt động của các công ty con sau một năm đã đi vào ổn định về tổ chức, cơ chế quản lý, điều hành, hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao hơn so với các năm trước đây, nhờ tận dụng được lợi thế sẵn có kết hợp với những thế mạnh hỗ trợ từ công ty mẹ.

Với chính sách trẻ hóa đội ngũ lao động, từ sau cổ phần hóa công ty đã mạnh dạn sử dụng, bổ nhiệm những lao động trẻ có trình độ và năng lực vào những vị trí điều hành thay thế cho những người cũ không còn thích nghi với điều kiện mới, cơ cấu lại lao động ở từng bộ phận. Từ đó đã từng bước phát huy được hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, *hiệu suất lao động được nâng cao, doanh thu và lợi nhuận cũng tăng trưởng vượt bậc so với trước cổ phần hóa.*

*** Công tác tổ chức:**

Xác định *“con người”* vốn là nhân tố quyết định nên HĐQT luôn quan tâm chỉ đạo sắp xếp tinh gọn hiệu quả trên cơ sở cán bộ, người lao động có đạo đức, có năng lực, giỏi nghiệp vụ, nhiệt tình và có trách nhiệm trong công việc. Tuy nhiên với điều kiện thực tế tại địa phương, với chính sách đào tạo nghiệp vụ tại địa phương những sinh viên hầu như không đạt ở các kỳ thi đại học quốc gia nên khi vào trường địa phương trình độ và nghiệp vụ không đáp ứng với công việc và không tương xứng với bằng cấp chứng nhận. Và một số lao động thực dụng qua quá trình làm việc thực tế, tích lũy kinh nghiệm tại Công ty lại chuyển sang các ngành khác như ngân hàng, các công ty liên doanh có thu nhập cao hơn và áp lực công việc nhẹ nhàng hơn (Công ty vẫn hoạt động cả ngày Thứ bảy, Chủ nhật và các ngày lễ nghỉ).

Năm 2015 tiếp tục lại là một năm biến động và phân hóa mạnh về nhân sự. Kể từ ngày đầu thành lập Công ty 01-12-2007 mới đi vào hoạt động được hơn một quý thì nhân sự HĐQT và Ban Tổng Giám đốc có sự biến động. Và tiếp tục đến hôm nay mặt trái của cơ chế thị trường việc dịch chuyển nhân sự cấp cao trở thành đối thủ trong cạnh tranh đã làm tác động đến các hoạt động kinh doanh và ảnh hưởng đến uy tín với các đối tác và các khách hàng.

*** Về lao động:**

- Tổng số lao động đầu năm	: 615 người (145 nữ)
<i>Trong năm:</i> + Tuyển dụng	: 157 người
+ Bổ nhiệm	: 30 lượt người
+ Điều chuyển, luân chuyển	: 126 lượt người
+ Nghỉ việc (sa thải, chấm dứt HĐLĐ)	: 118 người
+ Kỷ luật, khiển trách, kéo dài thời hạn nâng lương	: 08 người
- Tổng số lao động có đến ngày 31/12/2015	: 654 người (144 nữ)
<i>Trong đó:</i> + Ban TGD	: 04 người (02 nữ)
+ Trưởng-Phó phòng	: 02 người (0 nữ)
+ Trưởng-Phó Chi nhánh, CH	: 42 người (12 nữ)
+ Công nhân – NLĐ	: 606 người (130 nữ)

*** Công tác quản lý sản xuất kinh doanh**

Đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty với nhiều ngành hàng: Xăng dầu, bách hóa, điện máy và các hàng hóa khác. Hệ thống ngành hàng phân tán trong và ngoài tỉnh, phương thức bán hàng linh hoạt phục vụ nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng đường thủy lẫn đường bộ: Bán hàng tự chọn, bán hàng trả góp, bán buôn, bán buôn lẻ, bán lẻ... và đây là thế mạnh tạo nên thương hiệu Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

Tình hình kinh doanh xăng dầu, bách hóa, điện máy ngày càng cạnh tranh khốc liệt. Với sự xuất hiện của Coop.Mart, Điện máy Nguyễn Kim, Điện máy Chợ Lớn, Điện máy Xanh và các đối thủ khác nên năm 2015 khó khăn lại càng khó khăn và lợi nhuận giảm. Để có sự ổn định và cân bằng trong chiến lược Công ty đã xác định đa ngành đa nghề, đa phương thức và tăng dần tỷ trọng hàng bách hóa tạo thế chân kiềng trong hoạt động kinh doanh.

Vì vậy năm 2015 dù rất khó khăn, nhưng và kết quả kinh doanh các mặt của Công ty đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Trên cơ sở điều lệ, các quy định và quy chế của Công ty. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục điều hành, chỉ đạo cho từng khu vực, từng lĩnh vực quản lý chặt chẽ, phát huy tính chủ động và trách nhiệm cá nhân của từng lãnh đạo. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp quản lý chế độ báo cáo thông qua hệ thống phần mềm ứng dụng cho công tác quản lý kinh doanh. Vì vậy công tác điều hành các hoạt động kinh doanh luôn thông suốt, nhanh chóng và kịp thời.

*** Công tác quản lý tài chính:**

Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo tiếp tục cập nhật và hoàn thiện quy chế làm việc, quy chế trả lương trả thưởng, quy định chức năng nhiệm vụ của từng người, từng loại hình trong từng lĩnh vực khác nhau phù hợp với từng thời điểm, từng giai đoạn kinh doanh khác nhau. Từ năm 2010- 2015 và nhất là năm 2014 và 2015 hoạt động kinh doanh ngày càng khó khăn, cạnh tranh khốc liệt với một môi trường phức tạp đa đối tượng nên phương châm của HĐQT xác định chậm nhằm thực hiện mục

tiêu “lùi 1 bước để tiến 3 bước”. Tái cấu trúc toàn diện: nhân sự, sắp xếp, cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh. Điều chỉnh giảm chi phí hợp lý, sắp xếp phân bổ tuyến theo từng khu vực của từng cửa hàng để đường giao hàng ngắn nhất, các phương tiện đủ tải, giao hàng tay ba không qua kho. Quy định và điều chỉnh phù hợp chi phí công tác, nhiên liệu của phương tiện, công cụ phục vụ kinh doanh trên tinh thần tiết kiệm và hiệu quả nhất đồng thời luôn tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định hướng dẫn hiện hành, đảm bảo việc hạch toán số liệu luôn trung thực, đầy đủ, minh bạch, rõ ràng, chính xác, kịp thời.

*** Công tác quản lý đầu tư:**

Trong 8 năm Công ty đã đầu tư xây dựng, mở rộng và nâng cấp mạng lưới kinh doanh với tổng trị giá 51,585 tỷ đồng. Riêng năm 2015 đầu tư mở rộng hệ thống cửa hàng, kho bãi, mua sắm phương tiện 5,526 tỷ đồng.

CỬA HÀNG XĂNG DẦU TẮC THỦ
Ấp Tắc Thủ - Xã Hồ Thị Kỷ - Huyện Thới Bình - Tỉnh Cà Mau



CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY NĂM CĂN
Thị trấn Năm Căn - huyện Năm Căn – Tỉnh Cà Mau



*** Xây dựng văn hóa doanh nghiệp:**

Hội đồng quản trị luôn quan tâm xây dựng ý thức “văn minh, văn hóa thương nghiệp” tạo nên bản sắc riêng của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau qua xây dựng nội quy, quy chế, phong cách thái độ phục vụ, ứng xử giao tiếp cả trong nội bộ cũng như các đối tác, khách hàng với môi trường thân thiện tôn trọng và đoàn kết.

Hàng hóa được trưng bày gọn gàng, niêm yết đúng giá, đúng chất lượng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Nhà sản xuất và Nhà nước.

Công ty nghiêm túc không tạo điều kiện cho hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại nên Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đã tiếp tục tạo được sự tin tưởng và đánh giá cao của khách hàng người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh. .

*** Hoạt động đoàn thể và cộng đồng:**

Ngoài việc chỉ đạo kinh doanh thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 15/05/2015 đúng theo quy định của pháp luật, HĐQT luôn nghiêm túc chấp hành tốt mọi chính sách của Đảng và Nhà nước quy định.

*** Hoạt động đoàn thể:**

Được sự quan tâm và tạo điều kiện của Ban Tổng giám đốc, Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên luôn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Trong đó, công đoàn đã có nhiều chuyên viên tích cực, đi vào chiều sâu, gắn kết các bộ phận người lao động trong công ty. Một số hoạt động điển hình trong năm qua:

Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong doanh nghiệp, kết hợp cùng Công đoàn cơ sở công ty tổ chức thành công Hội nghị người lao động vào ngày 15/5/2015

Đối với chính sách tiền lương, thưởng đã được Ban Tổng giám đốc công ty điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện đặc thù hoạt động kinh doanh của công ty trên cơ sở chế độ chính sách của Nhà nước quy định và theo nguyên tắc làm việc gì, chức vụ gì hưởng lương theo công việc, chức vụ đó gắn với năng suất chất lượng hiệu quả công việc.

- Thực hiện nghiêm túc và đúng quy định của Nhà nước trong việc đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Cụ thể qua 8 năm (2008-2015) Công ty thực hiện đóng BHXH là: 32.395.588.802 đồng, BHYT: 6.366.988.180 đồng, BHTN: 2.014.527.656 đồng. Riêng năm 2015, Công ty nộp BHXH: 7.361.712.992 đồng, BHYT: 1.264.064.088 đồng, BHTN: 558.396.102 đồng.

- Luôn cập nhật, điều chỉnh xây dựng hệ thống lương thưởng cho phù hợp với điều kiện kinh doanh thực tế của thị trường.

- Đảng bộ Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau đến ngày 31-12-2015 có 28 đảng viên (10 nữ) nhiệm kỳ 2010-2015. Có 03 Chi bộ trực thuộc:

Chi bộ 1 : Có 9 đảng viên (04 nữ)

Chi bộ 2 : Có 10 đảng viên (0 nữ)

Chi bộ 3 : Có 9 đảng viên (03 nữ)

- Trong năm qua, Ban Tổng giám đốc công ty đã sắp xếp, tạo điều kiện cho cán bộ, quản lý, người lao động đi tham quan, du lịch, hội nghị khách hàng ở nước ngoài như Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kong, Du Bai, Singapore, ... trên 49 lượt và ở trong nước trên 30 lượt.

- Sau 8 năm cổ phần hóa, bằng nguồn quỹ Công đoàn hợp pháp, BCH Công đoàn cơ sở Công ty đã tặng cho 229 đoàn viên có đóng góp tích cực, có thâm niên gắn bó thủy chung với Công ty, tổng số cổ phiếu là 156.775 cổ phiếu tương đương 3 tỷ 600 nghìn đồng.

- Tổ chức các hoạt động để người lao động tham gia như: Hội thao mừng ngày Thành lập Đoàn 26/3; họp mặt chị em phụ nữ nhân ngày 08/3, 20/10; khen thưởng, tặng quà cho con người lao động đạt thành tích học khá, giỏi, tổ chức họp mặt tặng quà các em thiếu nhi nhân dịp Tết Trung thu... Tổng chi phí là 277.767.800 đồng

- Tám năm liền Đảng bộ Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được công nhận “Đảng bộ trong sạch vững mạnh”, Công đoàn cơ sở và Đoàn Thanh niên đạt vững mạnh.

*** Quan hệ cộng đồng:**

Chia sẻ cộng đồng, kết hợp hài hòa giữa lợi ích Công ty và xã hội đó là tâm niệm và truyền thống của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau và người lao động. Trong 8 năm qua Công ty đã ủng hộ các quỹ từ thiện xã hội 3.991.633.800 đồng.



Bàn giao căn nhà Đại đoàn kết cho gia đình Ông Võ Văn Hiếu, ngụ số 131 - Lý Thái Tôn, Khóm 7, Phường 2, Thành phố Cà Mau

3. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM:

- 1- Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ năm được tổ chức vào 8h sáng ngày 15/05/2015 tại Nhà Khách Minh Hải: 01 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau.
- 2- Hội nghị người lao động tổ chức vào 13h30 chiều ngày 15/05/2015 tại Hội trường UBND thành phố Cà Mau.
- 4- Đạt giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2015 (Top 100) do Hội Doanh nghiệp trẻ bình chọn.
- 5- Được xếp thứ 231 vào Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500).

4. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI:

- **Thị trường chính của Công ty tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển**, đồng thời Công ty luôn hướng tới việc nâng cao sự khác biệt về giá trị, chất lượng, sản phẩm và dịch vụ.

- Tiếp tục thực hiện các dự án đã hình thành, triển khai mục tiêu **mở rộng sản xuất kinh doanh**, hướng kinh doanh **đa dạng ngành nghề** sao cho phù hợp với tình hình thực tế, mang lại hiệu quả cao trong đầu tư.

- Quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, để **doanh thu, lợi nhuận, cổ tức và thu nhập của người lao động tăng trưởng ổn định**.

- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, từ cán bộ quản lý đến nhân viên nghiệp vụ, có chính sách phù hợp trong đào tạo và tuyển dụng để phát huy năng lực và sự gắn bó lâu dài của người lao động với Công ty.

4.1. Chỉ tiêu kinh doanh năm 2016:

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016
01	Tổng doanh thu	4.000.000
04	Lợi nhuận sau thuế	25.000
05	Tỷ lệ trả cổ tức	15%
06	Thu nhập bình quân NLĐ/người/tháng	7,0

4.2. Kế hoạch đầu tư:

Các kế hoạch đầu tư, dự án đầu tư mở rộng kinh doanh giai đoạn 2013-2017:

- Tiếp tục làm thủ tục thuê 600 m2 đất ở khu Trung tâm bờ hồ phường 8 để mở cửa hàng tự chọn và cửa hàng khí hóa lỏng.

Trong các năm tiếp theo:

- Hoàn thiện xây dựng Tổng kho Trà Kha 5.000 m2 trong Khu công nghiệp Bạc Liêu với dự toán 5 tỷ đồng.

- Xây dựng mỗi năm từ 1 đến 2 cửa hàng tùy theo tình hình thực tế và cơ hội kinh doanh.

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản về cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời... được trình bày như sau:

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2015
1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,16	1,17	1,14	1,15
- Hệ số thanh toán nhanh	0,53	0,44	0,40	0,39
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	67,28	69,08	73,5	72,78
- Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	32,62	30,92	26,5	27,22
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	20,97	17,52	14,43	11,83
- Vòng quay tổng tài sản	9,47	8,44	7,8	6,71
- Vòng quay tài sản cố định	46,76	44,39	47,73	45,53
- Vòng quay các khoản phải thu	59,92	47,78	40,83	34,35
- Vòng quay các khoản phải trả	14,09	12,37	10,92	9,2
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	0,64%	0,57%	0,58%	0,77%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	17,83%	15,85%	16,91%	18,61%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	23,42%	20,23%	21,09%	25,97%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản (%)	5,83%	5,04%	4,30%	5,06%

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán và cơ cấu vốn các năm sau cổ phần hóa đều tốt hơn so với trước. Hệ số thanh toán ngắn hạn qua các năm đều lớn hơn 1, **chứng tỏ khả năng thanh toán của Công ty ngày càng bảo đảm đối với các khoản nợ ngắn hạn**. Hệ số thanh toán nhanh thấp nhưng hàng tồn kho chủ yếu là xăng dầu và các mặt hàng tiêu dùng, nhu yếu phẩm được tồn kho với mục đích dự trữ, có thể bán ra nhanh chóng.

Tương tự đối với cơ cấu vốn, các chỉ số này cho thấy sự ổn định qua các năm chứng tỏ công ty vẫn duy trì được cơ cấu vốn phù hợp, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh trong giai đoạn tăng trưởng cao từ sau khi cổ phần năm 2007. Một điểm đáng lưu ý, hàng tồn kho chiếm tỷ trọng hơn 50% trong tổng tài sản, trong khi chỉ số Nợ phải trả người bán/ Hàng tồn kho là 37% từ đó có thể thấy rằng một phần đáng kể hàng tồn kho của Công ty được tài trợ bởi tín dụng của các nhà cung cấp. Chỉ tiêu vòng quay các khoản phải trả khá thấp và giảm dần qua các năm cho thấy được sự tín nhiệm cao của các nhà cung cấp đối với công ty nên thời hạn thanh toán công nợ được kéo giãn ra.

Vòng quay các khoản phải thu tăng từ 2012-2014 **thể hiện chính sách quản lý thu hồi nợ của Công ty tốt hơn nên rút ngắn được kỳ thu tiền với khách hàng**. Vòng quay các khoản phải thu năm 2015 giảm so với những năm trước do công ty đầu tư công nợ cho khách hàng thời điểm cuối năm phục vụ Tết nguyên đán 2016.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều tăng mạnh sau cổ phần hóa chứng tỏ hiệu quả hoạt động của Công ty khi hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. **Năm 2015 các chỉ số này tăng trở lại so với năm 2014 cho thấy hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp đã được cải thiện cùng với sự tăng trưởng của doanh thu.**

a. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2015:

DVT: Đồng

Tài sản		Nguồn vốn	
1. Tài sản ngắn hạn	520.541.536.744	1. Nợ phải trả	451.844.612.447
2. Tài sản dài hạn	100.243.954.262	2. Vốn chủ sở hữu	168.940.878.559
Tổng cộng:	620.785.491.006	Tổng cộng:	620.785.491.006

b. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:

- Vốn cổ đông đầu năm : 121.039.120.000 đồng
- Trong năm tăng thêm : 0 đồng
- Vốn cổ đông đến 31/12/2015: 121.039.120.000 đồng

c. Tổng số cổ phần theo từng loại:

- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 12.103.912 cổ phiếu.
Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 12.103.912 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 12.103.912 cổ phiếu.

d. Dự kiến chia cổ tức năm 2015: 15%/ mệnh giá

- Đã chia cổ tức bằng tiền mặt: 10%/ mệnh giá(1.000 đồng/cổ phần)
- Dự kiến chia cổ tức bằng tiền mặt: 5%/ mệnh giá (500 đồng/cổ phần)

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH:

Năm 2015, Cộng đồng doanh nghiệp kinh doanh trong bối cảnh tình hình kinh tế trong nước và thế giới nhiều khó khăn, thách thức. Nền kinh tế thế giới năm qua diễn ra còn quá nhiều rủi ro, bất trắc, sự phục hồi của các nền kinh tế lớn còn chậm, số người thất nghiệp còn tăng cao,...

Trong nước, Tuy tình hình kinh tế có hồi phục nhưng sức mua thị trường còn yếu, chi phí đầu vào tăng cao, tiếp cận nguồn vốn ngân hàng khó khăn, ... làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung

Bên cạnh đó, tính cạnh tranh của thị trường ngày càng khốc liệt, để giữ được thị phần, sản lượng, khách hàng là điều vô cùng khó khăn. Từ đó tạo áp lực rất lớn cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc thực hiện các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra trong năm 2015.

Nhưng với sự định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị, sự điều hành sáng suốt linh hoạt của Ban Tổng giám đốc cùng với sự nỗ lực của toàn thể người lao động trong Công ty, nên kết quả năm qua đã đạt được một số chỉ tiêu cơ bản mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2014	KH 2015	TH 2015	Tỷ lệ (%) so KH	Tỷ lệ (%) so cùng kỳ
01	Tổng doanh thu	4.377.385	4.200.000	4.074.238	97,00%	93,07%
02	Lợi nhuận trước thuế	33.482	30.000	41.253	137,51%	123,20%
03	Thuế TNDN	7.960	6.600	9.813	148,68%	123,27%
04	Lợi nhuận sau thuế	25.522	23.400	31.440	134,35%	123,18%

a. Hoạt động kinh doanh xăng dầu:

Hoạt động kinh doanh xăng dầu năm qua vô cùng khó khăn: Giá cả liên tục giảm cùng với sự cạnh tranh khốc liệt của các công ty kinh doanh xăng dầu tại thị trường Cà Mau làm ảnh hưởng mạnh đến hiệu quả hoạt động của công ty

- Sản lượng Xăng dầu bán ra tiếp tục giảm do các phương tiện đánh bắt thủy sản mua dầu ngay trên biển có giá thành thấp hơn.

- Kết quả kinh doanh năm qua sản lượng xăng dầu bán qua hệ thống đại lý có giảm nhưng sản lượng của các Cửa hàng bán lẻ trực thuộc tăng so với cùng kỳ, kết quả đạt được như sau:

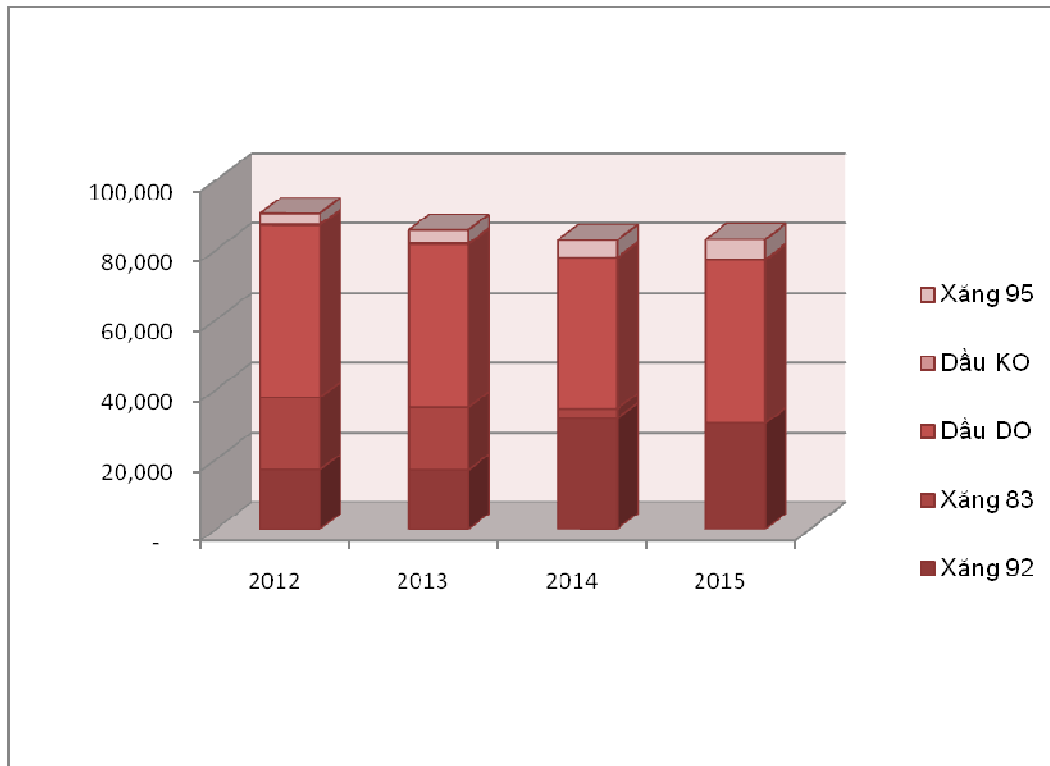
- Tổng doanh thu thực hiện: 1.272.961.196.122 đồng

- Lợi nhuận gộp thực hiện : 53.970.073.761 đồng

Bảng: Sản lượng xăng dầu qua các năm 2011-2015

Khoản mục	ĐVT	2012	2013	2014	2015	Tăng/ Giảm 2015/2014
Xăng A95	M3	3.212	3.844	4.913	5.656	+15,12
Xăng A92	M3	17.118	17.035	31.729	30.410	-4,16
Xăng A83	M3	20.644	17.937	2.726		-100,00
Dầu DO	M3	49.344	46.684	43.177	46.731	+8,23
Dầu KO	M3	192	267	210	254	+20,95
Tổng cộng	M3	90.510	85.767	82.755	83.051	+3,58

Hình sản lượng xăng dầu qua các năm



b. Hoạt động kinh doanh bách hóa:

Năm 2015, tình hình kinh doanh ngành hàng Bách hóa tiếp tục gặp sự cạnh tranh khốc liệt của các đối thủ trên địa bàn, nhưng với nỗ lực không ngừng để gia tăng thị phần đã làm cho doanh thu của ngành hàng này tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ. Kết quả kinh doanh đạt được như sau:

- Doanh thu thực hiện : 2.552.057.785.255 đồng
- Lợi nhuận gộp thực hiện : 53.097.096.537 đồng

c. Hoạt động kinh doanh của ngành hàng khác:

Năm 2015, Với sự cạnh tranh mạnh của các đối thủ lớn như Điện Máy Nguyễn Kim, Điện Máy Chợ Lớn,... nên doanh số của nhóm ngành hàng này tiếp tục giảm mạnh. Kết quả như sau:

- Doanh thu thực hiện : 249.219.286.283 đồng
- Lợi nhuận gộp thực hiện : 24.674.297.978 đồng

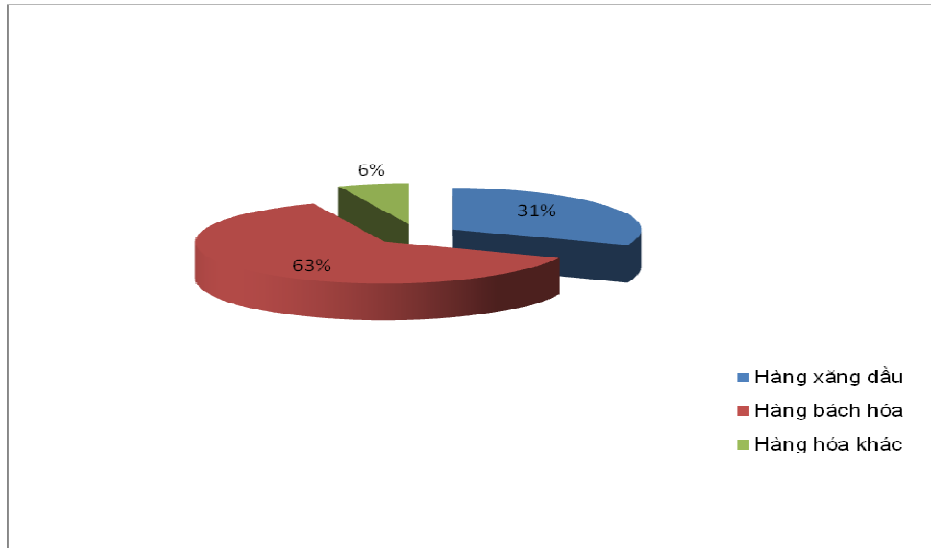
3. CƠ CẤU DOANH THU:

Dvt: 1.000 đồng

Khoản mục	2012	2013	2014	2015	+/- 15/14
Hàng xăng dầu	1.910.652.638	1.860.484.984	1.829.233.513	1.272.961.196	-30,42%
Hàng bách hóa	2.145.716.932	2.089.898.418	2.259.881.846	2.552.057.785	+12,92%

Hàng hóa khác	348.769.824	331.391.248	288.269.678	249.219.286	-13.55%
Tổng cộng	4.405.139.394	4.281.774.650	4.377.385.037	4.074.238.267	-6,93%

Bảng: Cơ cấu doanh thu thuần theo mặt hàng kinh doanh.



Hình cơ cấu doanh thu theo mặt hàng kinh doanh

Năm 2015 doanh thu của công ty mặc dù sụt giảm nhưng vẫn giữ trên mức 4.000 tỷ đồng giảm 6.93% so với năm 2014, do giảm giá liên tục của mặt hàng xăng dầu. Nhưng ngành hàng bách hóa vẫn tăng trưởng doanh thu rất mạnh cho thấy khả năng phân phối chủ đạo của công ty trong lĩnh vực kinh doanh này. Tỷ trọng doanh thu ngành bách hóa và hàng xăng dầu năm 2015 lần lượt là 63% và 31% đã cho thấy định hướng phát triển của công ty là đúng khi chuyển trọng tâm tập trung phát triển ngành hàng bách hóa và giảm dần tỷ trọng ngành hàng xăng dầu trong cơ cấu doanh thu.

4. CƠ CẤU LỢI NHUẬN:

Bảng: Cơ cấu Lợi nhuận sau thuế theo ngành nghề kinh doanh.

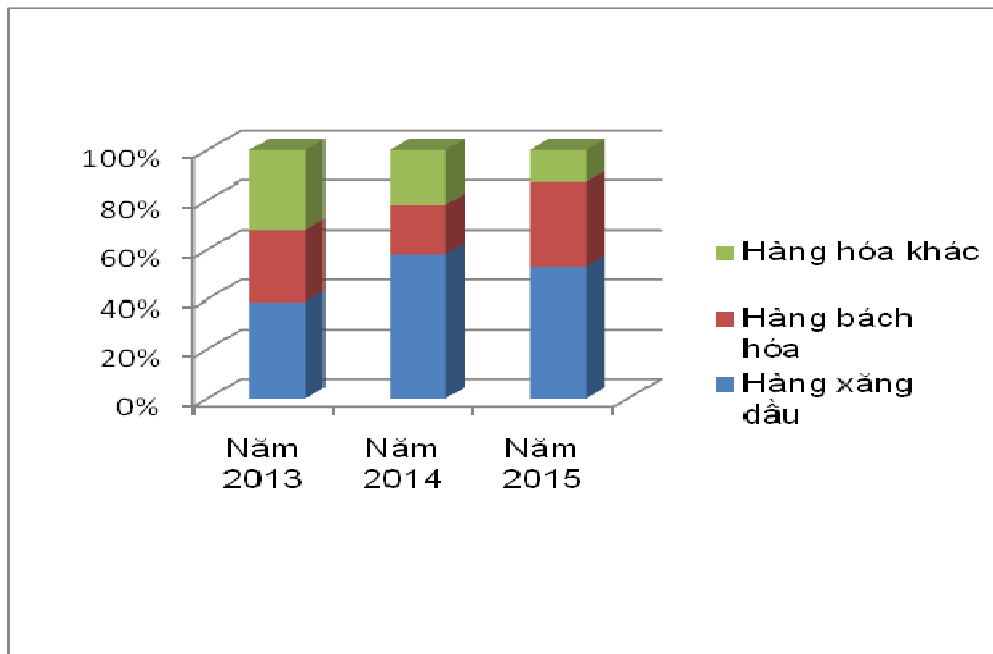
Dvt: 1.000 đồng

Khoản mục (*)	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		+/- 2015/ 2014 (%)
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Hàng xăng dầu	9.548.319	39	14.827.989	58	16.654.762	53	+12,32

Hàng bách hóa	7.085.914	29	5.173.910	20	10.688.146	34	+106,57
Hàng hóa khác	7.854.428	32	5.520.142	22	4.097.223	13	-25,78
Tổng cộng	24.488.661	100	25.522.041	100	31.440.131	100	+23,18

(*)Lưu ý: Lợi nhuận từ hoạt động tài chính và lợi nhuận khác đã được phân bổ vào lợi nhuận của từng ngành nghề kinh doanh.

Hình cơ cấu lợi nhuận theo mặt hàng kinh doanh



Nguồn: Báo cáo phân tích lợi nhuận CMV năm 2015

Năm 2015, cùng với sự tăng trưởng doanh thu ấn tượng thì lợi nhuận kinh doanh ngành hàng bách hóa đã tăng mạnh so với năm 2014. Trong khi đó lợi nhuận kinh doanh từ ngành hàng xăng dầu có sự tăng trưởng nhẹ là ngành hàng kinh doanh đóng góp 53% lợi nhuận cho công ty. Điều này cho thấy một lợi thế trong kinh doanh đa ngành theo định hướng của của Camex là hoàn toàn đúng đắn trong điều kiện thị trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay. Với mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau, Khi ngành hàng bách hóa bị cạnh tranh thì ngành hàng xăng dầu với lợi thế thị trường và hệ thống phân phối ổn định sẽ đóng vai trò ngành xương sống, hỗ trợ, liên kết, tăng năng lực cạnh tranh cho các ngành hàng khác, đảm bảo lợi nhuận cho công ty.

5. CẤU TRÚC CHI PHÍ:

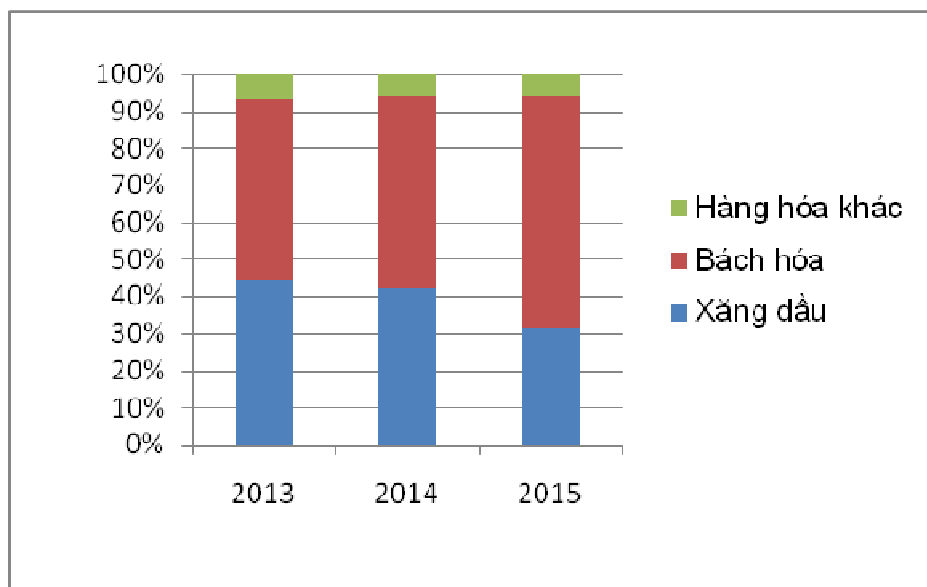
Bảng: Cơ cấu chi phí trên doanh thu của Công ty*Đvt: 1.000 đồng*

Chi phí	2013		Năm 2014		2015	
	Giá trị	Tỷ trọng /DTth (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTth (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTth (%)
Giá vốn hàng bán	4.155.076.238	97,1	4.238.773.310	96,8	3.941.818.454	96,8
Chi phí HĐ tài chính	10.555.443	0,2	10.961.791	0,3	15.367.763	0,4
Chi phí bán hàng	83.598.387	1,9	95.091.035	2,2	89.615.778	2,2
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.665.409	0,5	27.836.292	0,6	25.808.858	0,6
Chi phí khác	594.731	0,0	81.566	0,0	804.112	0,0
Doanh thu thuần	4.280.824.790		4.377.211.562		4.073.559.923	

Bảng : Cơ cấu giá vốn hàng bán theo ngành nghề kinh doanh*Đvt: 1.000 đồng*

Khoản mục	2013		2014		2015	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Kinh doanh xăng dầu	1.822.296.646	44	1.782.509.069	42	1.218.991.122	31
Bách hóa	2.022.079.601	49	2.195.106.504	52	2.498.282.345	63
Hàng hóa khác	310.699.991	7	261.157.737	6	224.544.988	6
Tổng cộng	4.155.076.238	100	4.238.773.310	100	3.941.818.455	100

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2015***Hình cơ cấu giá vốn theo ngành nghề kinh doanh**



Nhìn chung, cơ cấu chi phí trên doanh thu qua các năm không có nhiều biến động. Tỷ trọng giá vốn hàng bán/ doanh thu thuần của Công ty có chiều hướng giảm trong giai đoạn 2007 – 2009, tăng nhẹ trong năm 2010, giảm và ổn định trong các năm 2011- 2015. Làm được điều này một phần cũng nhờ vào các chính sách kiểm soát chi phí kinh doanh của Công ty. Đối với mặt hàng xăng dầu, Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau đã xây dựng các định mức chung như: định mức về tiêu hao nguyên vật liệu khi vận chuyển xăng dầu Tổng kho công ty tới các cửa hàng và đại lý bán lẻ. Đối với lĩnh vực kinh doanh bách hóa, Công ty thường xuyên tổ chức kiểm kê định kỳ kết hợp với các đợt kiểm kê đột xuất để đánh giá lại giá trị thực tế hàng tồn kho, vừa kịp thời ngăn ngừa tổn thất vật chất cho công ty.

Sau khi cổ phần hóa, từ năm 2009 -2013 chi phí bán hàng và đặc biệt là chi phí quản lý đã giảm xuống đáng kể. Tỷ trọng chi phí quản lý trên doanh thu thuần ổn định từ năm 2014-2015 trong khi vẫn đảm bảo thu nhập và các phúc lợi khác cho người lao động tăng hàng năm theo quy định. Điều này thể hiện sự hiệu quả của công tác quản lý trong Công ty.

Tỷ trọng Chi phí hoạt động tài chính năm 2015 là 0,4% tăng lên 0,1% so với năm 2014. Nguyên nhân chính là do chi phí lãi vay tăng hơn 40% so với năm 2014 do phần tín dụng từ nhà cung cấp của ngành hàng xăng dầu không tận dụng được.

6. THÔNG TIN VỀ CỐ TỨC VÀ THU NHẬP/CỔ PHIẾU:

Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua

sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

HDQT luôn cân nhắc xem xét các kế hoạch kinh doanh trong năm tới để tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông, đảm bảo công ty phát triển nhanh và bền vững.

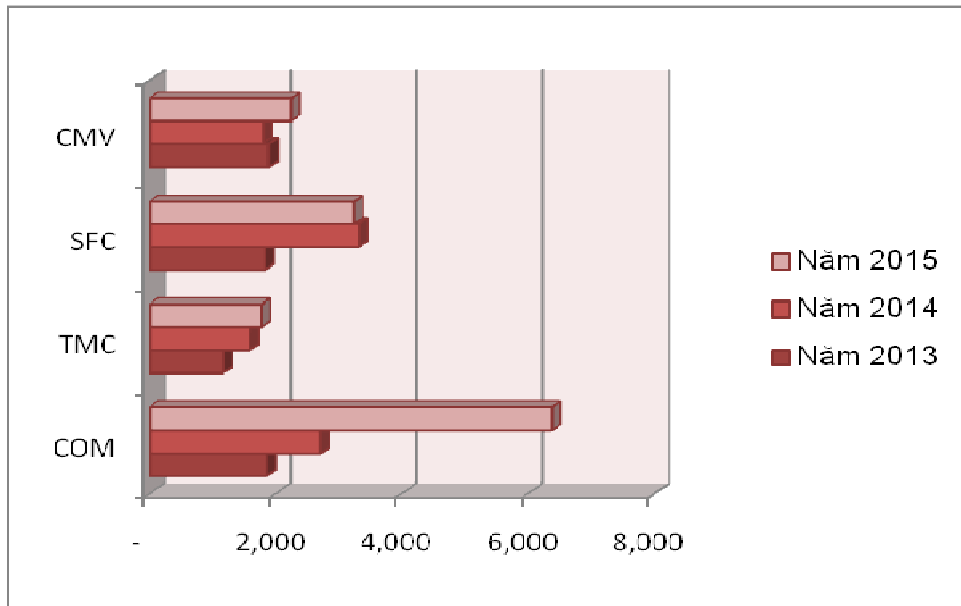
Sau 07 năm hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần (2008-2015), Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau đều duy trì mức lợi nhuận cao và mức chi cổ tức ổn định cho cổ đông. Năm 2008 là 22%, năm 2009 là 25% , năm 2010 là 25%, năm 2011 là 23%, năm 2012 là 16%, năm 2013 là 15%, năm 2014 là 15%, dự kiến năm 2015 là 15% trên vốn điều lệ.

Chính sách trả cổ tức trên được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty và đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau mã chứng khoán là CMV trên thị trường được xếp vào loại có giá trị tương đối ổn định kể từ thời điểm niêm yết ngày 21/06/2010. EPS từ 2011- 2013 đứng top đầu các công ty niêm yết cùng ngành. Năm 2015, EPS đã tăng nhẹ so với năm 2013 và 2014 cho thấy được sự phát triển ổn định của Công ty.

EPS	CMV	COM	SFC	TMC
Năm 2013	1.892	1.857	1.831	1.167
Năm 2014	1.796	2.708	3.316	1.587
Năm 2015	2.244	6.374	3.241	1.771

So sánh EPS của CMV với các công ty niêm yết cùng ngành:



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013-2015 của các công ty niêm yết

7. NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

- Điều lệ tổ chức hoạt động đã được sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mẫu đối với các Công ty niêm yết và được Đại hội đồng cổ đông thường niên thống nhất thông qua.

- Điều chỉnh quy chế trả lương, trả thưởng cho người lao động, quy chế đánh giá năng lực cán bộ quản lý và nhân viên cho phù hợp với tình hình thực tế. Thực hiện tốt chi trả tiền lương, tiền thưởng nhằm khuyến khích tăng năng suất và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

- Bổ sung, điều chỉnh hệ thống nội quy, quy chế của công ty về quản trị tài chính để nâng cao hiệu quả hoạt động

- Thực hiện tốt chính sách nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, bổ sung và luân chuyển cán bộ quản lý, đăng ký mới về thuế thu nhập cá nhân và tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

- Hưởng ứng tích cực phong trào thi đua, hoạt động văn hóa, thể thao, hoạt động xã hội, từ thiện trong nội bộ và ngoài Công ty.

CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Tính đến thời điểm 31/12/2015 Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau đã có **02 công ty con ở địa bàn 02 tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu**. Với chủ trương đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng chủng loại hàng hóa, tận dụng các ưu thế về hệ thống phân phối sẵn có để tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, Camex từng bước xem xét đầu tư thêm vào các lĩnh vực kinh doanh khác với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông và sự phát triển ổn định, bền vững.

1. CÁC CÔNG TY CÓ TRÊN 50% VỐN CỔ PHẦN DO CAMEX NẪM GIỮ:

*** Công ty TNHH một thành viên Bách Việt (100% vốn Camex)**

+ Địa chỉ: Số 102 Phan Đình Phùng – Phường 2 – TP. Cà Mau- Tỉnh Cà Mau

+ Điện thoại: (0780) 2241101 Fax: (0780) 3831800

+ Email: ctybachviet@gmail.com

+ Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh hàng bách hóa, công nghệ thực phẩm.

+ Tóm tắt tình hình tài chính năm 2015:

- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng
- Tổng doanh thu : 460.559.882.907 đồng
- Tổng giá vốn : 455.477.107.485 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 5.082.775.422 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 3.927.252.685 đồng

*** Công ty Cổ Phần In Bạc Liêu (55,03% vốn Camex)**

+ Địa chỉ: 160 Hoàng Văn Thụ, phường 3, TP. Bạc Liêu

+ Điện thoại: (0781) 3824419 Fax: (0781) 3820727

+ Email:

+ Ngành nghề kinh doanh: in ấn văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo tạp chí, tập san, tài liệu giảng dạy và học tập, thông tin cổ động; in vé số, nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của nhân dân

+ Tóm tắt tình hình tài chính năm 2014:

- Vốn điều lệ: 7.000.000.000 đồng
- Tổng doanh thu : 34.704.068.410 đồng
- Tổng giá vốn : 31.103.848.907 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 3.600.219.503 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 2.807.637.733 đồng

2.CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT: không

CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Số lượng người lao động trong Công ty.

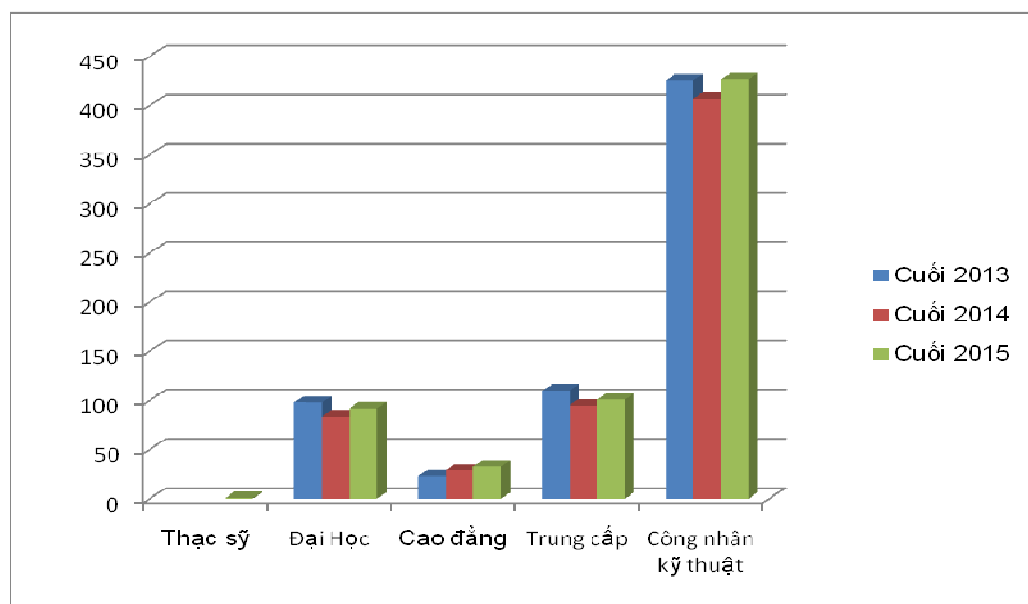
Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2015 là 654 người tăng 6,3% so với thời điểm cuối năm 2014. Cụ thể như sau:

Phân loại theo trình độ học vấn	Tổng số lao động	Tỷ lệ
Thạc sĩ	1	0,15%
Đại Học	92	14,06%
Cao đẳng	33	5,05%
Trung cấp	101	15,45%
Công nhân kỹ thuật	427	65,29%
Tổng	654	100%
Phân loại theo thời hạn hợp đồng		
không xác định thời hạn	253	38,69%
Từ trên 1 năm đến 3 năm	193	29,52%
Thời hạn 1 năm	119	18,19%
Lao động thời vụ	89	13,60%
Tổng	654	100%

Nguồn: Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau

a. Cơ cấu theo trình độ lao động tại Công ty.

Hình cơ cấu lao động theo trình độ

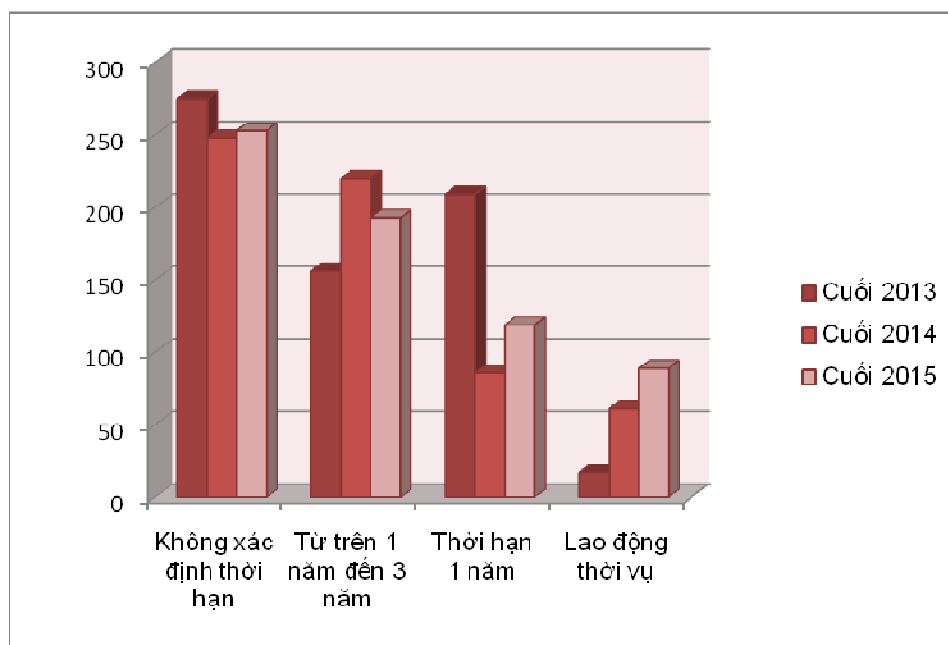


Nguồn: Phòng Hành chính Nhân Sự - Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau

Cơ cấu lao động theo trình độ nhìn chung ổn định so với năm 2014. Theo đó thì nhóm lao động công nhân kỹ thuật, là lực lượng lao động chủ yếu của công ty chiếm khoảng 65% trên tổng số lao động. Cơ cấu lao động theo trình độ có sự dịch chuyển tăng ở nhóm có trình độ Thạc sỹ, Đại học và nhóm cao đẳng, giảm nhẹ ở nhóm Công nhân kỹ thuật so với năm 2014. Tuy nhiên nhóm đại học còn thấp chiếm khoảng 14% trên tổng số lao động, sẽ là một cản trở lớn để công ty có thể phát triển mạnh trong tương lai với nền kinh tế ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới và sự phát triển mạnh mẽ về khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin,...

b. Cơ cấu theo thời hạn hợp đồng:

Hình cơ cấu lao động theo thời hạn hợp đồng



Nguồn: Phòng Hành chính Nhân Sự - Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau

Cơ cấu lao động theo thời hạn hợp đồng năm 2015 có nhiều biến động so với năm 2014 theo hướng giảm ở nhóm không xác định thời hạn và nhóm lao động thời hạn 1-3 năm, tăng mạnh ở nhóm lao động thời hạn 01 năm và nhóm lao động thời vụ, cho thấy sự dịch chuyển mạnh về cơ cấu lao động công ty theo hướng trẻ hóa đội ngũ lao động. Tuy nhiên lao động chủ yếu tập trung vào nhóm không xác định thời hạn, chiếm gần 39% trên tổng số lao động công ty. Đây là số lao động đã có thâm niên làm việc, có trình độ chuyên

môn nghiệp vụ tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với công ty. Lao động trong nhóm này ít biến động, có sự ổn định dần sau mỗi năm cổ phần hóa, tạo tiền đề cho sự phát triển vững bền của công ty.

2. Chính sách đối với người lao động.

✚ Chế độ làm việc:

- Đối với nhân viên văn phòng: ngày làm 8 giờ, sáng từ 7h – 11h, chiều từ 13h30 – 17h30; tuần làm 6 ngày, nghỉ ngày chủ nhật.
- Đối với nhân viên tại các cửa hàng bách hóa: làm theo ca từ 6h – 20h (riêng ngày chủ nhật làm việc đến 18h). Các nhân viên tại cửa hàng đều được cấp đồng phục theo quy định của Công ty, và thay đổi sau mỗi năm. Điều này giúp tạo nên hình ảnh của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau.
- Các nhân viên tại cửa hàng xăng dầu: làm theo ca từ 5h đến 21h và đều được trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định của Nhà nước. Ngoài ra Cửa hàng Xăng Dầu Định Bình, Cửa hàng Xăng Dầu Tân Thành làm việc theo ca, hoạt động 24/7.

✚ Chính sách đào tạo:

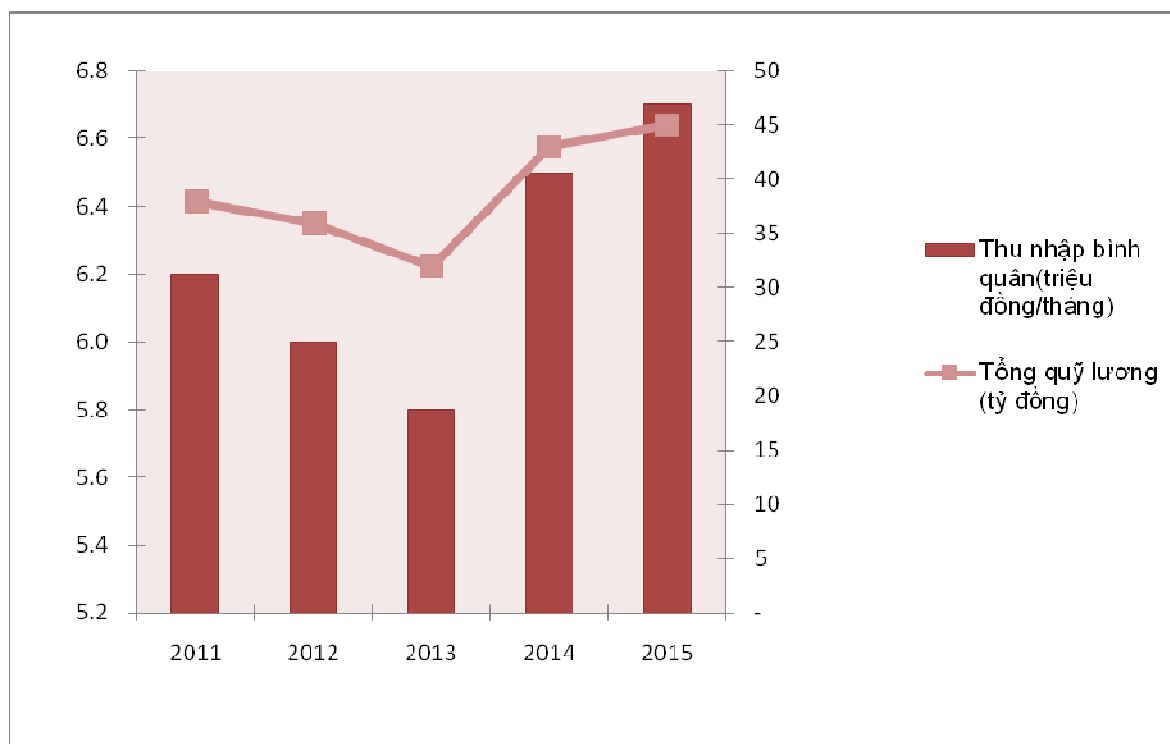
Công ty quan tâm việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu định hướng phát triển của Công ty trước mắt và lâu dài, từ đó đã tạo điều kiện cho người lao động tham gia các khóa tập huấn, học tập nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như: Nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu, gas; kỹ năng giao tiếp phục vụ, khách hàng và các lớp nghiệp vụ về công tác quản lý, kinh doanh tài chính nhân sự lao động.

✚ Chính sách lương, thưởng:

Sau khi đi vào hoạt động, Công ty đã xây lại quy chế trả lương, phân phối tiền thưởng phù hợp với điều kiện, đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở chế độ chính sách của Nhà Nước quy định, gắn liền với năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc đảm nhận của từng người. Bên cạnh đó, kết hợp với chính sách tiết kiệm chi phí, Công ty đã đề ra các định mức về các khoản hao hụt hàng tồn kho, trong đó nếu nhân viên thực hiện tốt chính sách này, không vượt quá định mức thì sẽ được hưởng toàn bộ số chênh lệch đó. Thêm vào đó, các cửa hàng cũng sẽ được thưởng nếu hoạt động có hiệu quả, vượt doanh số kế hoạch đề ra.

Thu nhập của người lao động qua các năm sau cổ phần hóa

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Thu nhập bình quân(triệu đồng/tháng)	6,2	6,0	5,8	6,5	6,7
Tổng quỹ lương năm (tỷ đồng)	38	36	32	43	45



Nguồn: Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau

Sau cổ phần hóa, tốc độ tăng trưởng của tổng quỹ lương rất cao và ổn định qua các năm 2010-2014. Năm 2015, mặc dù tình hình kinh doanh chung khó khăn nhưng với chính sách ổn định nhân sự Công ty đã xây dựng tổng quỹ lương tăng so với năm 2014 để tăng mức thu nhập cho người lao động.

Thu nhập bình quân năm 2015 công ty đã phấn đấu đạt ở mức 6.700.000 đồng/người/tháng là một sự nỗ lực hết sức đáng ghi nhận trong khi vẫn đảm bảo được lợi nhuận vượt mức kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra.

🚧 Các chính sách khác đối với người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ nhà nước đối với người lao động như: Hợp đồng lao động, BHXH, BHYT, nghỉ phép, thai sản, ốm đau, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại... Ngoài ra, người lao động làm việc tại Công ty còn được quan tâm chăm lo về vật chất và tinh thần như: hằng năm được đi tham quan du lịch trong và ngoài nước (tùy theo đối tượng), Ban TGD, Ban Chấp hành Công đoàn tặng quà nhân ngày lễ, tết, ngày truyền thống, sinh nhật...

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

		<u>Tỷ lệ</u>
- Vốn Nhà nước	44.334.250.000 đ	36,63%
- Nhà đầu tư chiến lược	29.360.240.000 đ	24,26%
- Công nhân viên	15.488.730.000 đ	12,79%
- Công đoàn cơ sở Cty	2.267.200.000 đ	1,87%
- Cổ đông bên ngoài	<u>29.588.780.000 đ</u>	<u>24,45%</u>
Cộng :	121.039.120.000 đ	100%

Stt	Danh mục	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ/ VĐL (%)
1	Cổ đông Tổ chức	8.066.121	66,64
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	7.369.449	60,89
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	696.672	5,75
2	Cổ đông cá nhân	4.037.791	33,36
Tổng cộng		12.103.912	100,00

Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	ĐKKD	Địa chỉ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ/ VĐL (%)
1	Tổng Cty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	0106000737	06 Phan Huy Chú, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	4.433.425	36,63
2	Tổng Cty Dầu Việt Nam - Cty TNHH Một thành viên	0305795054	Tầng 14-17 Tòa nhà Petro Việt Nam, số 1-5 L Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	2.936.024	24,26
3	Cty CP Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư Petec	4106000302	194 Nam Kỳ khởi Nghĩa, Q3. TP.HCM	0	0
Tổng cộng				7.369.449	60,89

2. GIAO DỊCH CỦA CÁC THÀNH VIÊN CHỦ CHỐT VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN:

Không có giao dịch cổ phiếu của các thành viên chủ chốt và người có liên quan.

3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hội đồng quản trị tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tập thể, cá nhân thành viên và tuân thủ Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ công ty, Pháp luật hiện hành. Thực hiện quy chế làm việc theo Điều lệ, kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động và định hướng kinh doanh từng năm.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng điều lệ công ty. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.

Quản lý, giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh, đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2015. Hội đồng quản trị đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo và thực hiện hoạt động kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát hoạt động của công ty.

CÁC NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ BAN HÀNH TRONG NĂM 2015

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-HĐQT-2015	01/04/2015	Thông qua: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm 2015 ; Giải thể Cửa hàng Xăng dầu Vàm Đầm, Cửa hàng Bách Hóa Tắc Vân; Việc bổ nhiệm giám đốc Công ty TNHH MTV Bách Việt, Việc chuyển nhượng cổ phiếu của Cổ đông sáng lập Petec sang cho PVOill ;Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015.

02	02/NQ-HĐQT-2015	10/06/2015	Thông qua: Kết quả hoạt động kinh doanh quý I năm 2015; Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2015; Xây dựng tổng quỹ tiền lương kế hoạch 2015, Giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2015 cho Công ty TNHH một thành viên Bách Việt và ủy quyền thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) - chi nhánh Cà Mau; Kế hoạch chi cổ tức còn lại của năm 2014 với tỷ lệ 5% bằng tiền mặt.
03	03/NQ-HĐQT-2015	20/06/2015	Thông qua việc thành lập Trung tâm Phân phối Hàng tiêu dùng Năm Căn, Cửa hàng Bách hóa Tấc Thủ.
04	04/NQ-HĐQT-2015	30/09/2015	Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%(tương đương 1.000đồng/ cổ phiếu).
05	05/NQ-HĐQT-2015	16/11/2015	Thông qua: Kết quả hoạt động kinh doanh quý III năm 2015; Ủy quyền thế chấp tài sản và thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- chi nhánh Cà Mau với hạn mức 190 tỷ đồng; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 50 tỷ đồng.

4. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Trong năm qua Ban Kiểm Soát đã thực hiện các công việc giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính công ty, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành đúng theo chức năng và nhiệm vụ đã được cụ thể hóa trong Điều lệ công ty. Cụ thể:

- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý

- Kiểm tra việc chấp hành luật doanh nghiệp, tài chính, việc thực hiện các nghị quyết của công ty tại một số đơn vị để kịp thời phát hiện những điểm chưa phù hợp, những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh, từ đó có những đề xuất kiến nghị cho Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ trực tiếp 04 lần với nội dung: kiểm tra tính hợp lý của các báo cáo tài chính quý, giữa niên độ, báo cáo tài chính năm, Kiểm soát tình hình quản trị tài chính công ty. Kết quả thống nhất cao với các báo cáo tài chính quý, bán niên, và cuối năm, các báo cáo tài chính đã đảm bảo không chứa đựng những sai sót trọng yếu và phản ánh trung thực nhất về tình hình tài chính của Công ty.

Đồng thời tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia góp ý những vấn đề có liên quan.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Khái quát

Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 14 tháng 09 năm 2007 của UBND tỉnh Cà Mau. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu ngày 01/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 15/04/2015 với mã số doanh nghiệp 2000110221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Hoạt động của Công ty là kinh doanh Xăng dầu (dầu, dầu nhờn), khí dầu mỏ hóa lỏng và vỏ bình ga. Sang, chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng; Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy văn phòng; Thi công các công trình; Bán buôn đồ uống; Bán buôn thuốc lá điếu các loại; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Kinh doanh quần áo và đồ may sẵn; Bán buôn thực phẩm; Mua bán vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Bán buôn nông sản, thủy hải sản chế biến; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bán buôn đồ chơi trẻ em; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông; Sản lập mặt bằng; Trồng lúa, trồng rau, trồng hoa, cây cảnh, trồng cây ăn quả, cây lâu năm; Kinh doanh cho thuê nhà, cho thuê mặt bằng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 70 – 72, đường Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị:

Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Chủ tịch
Ông Lê Xuân Trinh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hóa	Thành viên (đến ngày 07/05/2015)
Ông Thái Trường An	Thành viên
Ông Dương Du Minh	Thành viên
Bà Trần Ngọc Diệp	Thành viên (từ ngày 15/05/2015)

Ban Tổng Giám đốc:

Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc
Ông Thái Trường An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Trần Chí Hiếu	Trưởng ban
Ông Ngô Thế Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Tài	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Việt Ánh

Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau, được lập ngày 12/02/2016, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại thuyết minh số VII.2 trang 31 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang tiếp tục làm việc với Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (“SCIC”) và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về khoản lãi chậm nộp tiền thu về cổ phần hóa về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp với số tiền 2.859.469.313 đồng theo Công văn số 1740/ĐTKDV-TCKT ngày 31/7/2014 của SCIC. Sau đó, SCIC đã có Công văn số 109//ĐTKDV-TCKT ngày 20/1/2015 xác định lại số tiền chậm nộp tiền thu về cổ phần hóa về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tăng lên là 4.175.239.987 đồng. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể phát sinh từ sự kiện này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Nguyễn Thị Lan
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0167-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Kiểm toán viên

Nguyễn Anh Tuấn
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 1559-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		520.541.536.744	495.091.090.051
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	54.956.843.826	45.282.604.610
1. Tiền	111		52.416.843.826	44.082.604.610
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.540.000.000	1.200.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		114.606.835.492	122.550.348.478
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	92.686.921.241	102.303.212.640
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.784.157.782	3.305.458.900
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	150.000.000	700.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	25.975.225.951	26.873.202.590
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(13.013.632.281)	(11.234.475.065)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.8	1.024.162.799	602.949.413
III. Hàng tồn kho	140	V.9	345.008.251.857	320.561.139.526
1. Hàng tồn kho	141		345.008.251.857	321.192.238.872
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(631.099.346)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.969.605.569	6.696.997.437
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	323.058.513	294.491.501
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.464.472.747	6.402.505.936
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	182.074.309	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		100.243.954.262	98.127.236.009
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.603.040.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.603.040.000	-
II. Tài sản cố định	220		90.295.991.712	88.739.009.838
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	56.819.943.333	55.228.905.451
- Nguyên giá	222		128.865.846.231	120.758.727.618
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.045.902.898)	(65.529.822.167)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	33.476.048.379	33.510.104.387
- Nguyên giá	228		34.688.966.663	34.688.966.663
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.212.918.284)	(1.178.862.276)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		736.000.000	60.876.201
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	736.000.000	60.876.201
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	6.306.716.200	8.313.011.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.499.577.200	8.499.577.200
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.192.861.000)	(186.566.200)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.302.206.350	1.014.338.970
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.237.761.485	949.894.105
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		64.444.865	64.444.865
3. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		620.785.491.006	593.218.326.060

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		451.844.612.447	436.094.140.398
I. Nợ ngắn hạn	310		450.263.149.947	434.361.073.798
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	127.425.901.818	209.461.014.522
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.281.117.263	1.915.862.480
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	3.235.135.831	3.078.832.832
4. Phải trả người lao động	314		11.096.380.055	7.966.730.221
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.309.565.742	1.106.707.372
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	6.675.247.867	2.983.969.043
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	296.563.550.128	204.652.761.836
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.676.251.243	3.195.195.492
II. Nợ dài hạn	330		1.581.462.500	1.733.066.600
1. Doanh thu chưa thực hiện	336	V.20	1.581.462.500	1.733.066.600
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		168.940.878.559	157.124.185.662
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	168.940.878.559	157.124.185.662
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		121.039.120.000	121.039.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		121.039.120.000	121.039.120.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.750.000.000	1.750.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.716.363.499	18.484.733.386
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.749.071.821	9.631.364.244
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		3.579.408.244	2.748.337.814
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		17.169.663.577	6.883.026.430
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.686.323.239	6.218.968.032
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		620.785.491.006	593.218.326.060

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tấn Vạn

Nguyễn Tấn Vạn

Nguyễn Thị Việt Anh

Ngày 12 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.074.238.267.660	4.377.385.037.165
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	678.344.649	173.474.625
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	4.073.559.923.011	4.377.211.562.540
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	3.941.818.454.735	4.238.773.310.664
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		131.741.468.276	138.438.251.876
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.419.849.551	2.391.001.899
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	15.367.763.165	10.961.791.139
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.866.493.191	8.987.264.442
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	89.615.777.720	95.091.035.042
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	25.808.857.529	27.836.292.197
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.368.919.413	6.940.135.397
12. Thu nhập khác	31	VI.9	39.689.155.811	26.624.301.531
13. Chi phí khác	32	VI.10	804.111.626	81.566.531
14. Lợi nhuận khác	40		38.885.044.185	26.542.735.000
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.253.963.598	33.482.870.397
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	9.813.832.095	7.960.829.336
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.440.131.503	25.522.041.061
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		30.176.694.523	24.154.375.675
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.263.436.980	1.367.665.386
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	2.468	1.796

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tấn Vạn



Nguyễn Tấn Vạn



Nguyễn Thị Việt Ánh

Ngày 12 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	41.253.963.598	33.482.870.397
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.550.136.739	6.765.094.767
- Các khoản dự phòng	03	3.154.352.670	5.000.845.669
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(354.781.885)	(2.231.774.793)
- Chi phí lãi vay	06	11.866.493.191	8.987.264.442
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	62.470.164.313	52.004.300.482
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.488.174.354	(16.949.020.119)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(23.816.012.985)	(60.742.536.658)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(75.719.891.749)	102.648.527.589
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(316.434.392)	(531.738.695)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(11.826.753.729)	(9.026.452.605)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.559.761.666)	(8.380.384.070)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	3.332.802.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.514.014.855)	(8.819.589.818)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(55.794.530.709)	53.535.908.106
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(8.782.242.412)	(4.850.013.628)
2. Tiền thu từ nhượng bán tài sản cố định	22	-	123.578.636
3. Tiền chi cho vay	23	-	(300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	550.000.000	950.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.850.180.953
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	354.781.885	2.134.563.398
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.877.460.527)	(91.690.641)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.953.224.850.642	1.811.580.232.447
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.861.314.062.350)	(1.833.168.552.548)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.564.557.840)	(26.668.702.382)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	73.346.230.452	(48.257.022.483)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	9.674.239.216	5.187.194.982
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	45.282.604.610	40.095.409.628
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	54.956.843.826	45.282.604.610

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Tấn Vạn

Nguyễn Tấn Vạn

Nguyễn Thị Việt Ánh

Ngày 12 tháng 02 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **Năm 2015**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 14 tháng 09 năm 2007 của UBND tỉnh Cà Mau. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu ngày 01/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 15/04/2015 với mã số doanh nghiệp 2000110221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 70 – 72, đường Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là kinh doanh Xăng dầu (dầu, dầu nhờn), khí dầu mỏ hóa lỏng và vỏ bình ga. Sang, chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng; Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy văn phòng; Thi công các công trình; Bán buôn đồ uống; Bán buôn thuốc lá điếu các loại; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Kinh doanh quần áo và đồ may sẵn; Bán buôn thực phẩm; Mua bán vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Bán buôn nông sản, thủy hải sản chế biến; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bán buôn đồ chơi trẻ em; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông; Sản lập mặt bằng; Trồng lúa, trồng rau, trồng hoa, cây cảnh, trồng cây ăn quả, cây lâu năm; Kinh doanh cho thuê nhà, cho thuê mặt bằng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số các Công ty con tại ngày 31/12/2015 là : 2 công ty.

Số lượng các Công ty con được hợp nhất là : 2 công ty.

Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Bách Việt	Số 26 - 28 đường Lê Lợi, phường 2, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Mua bán bách hóa, hàng tiêu dùng, thực phẩm công nghệ, rượu bia, nước giải khát, thuốc lá điếu ; hàng mỹ phẩm, dầu gội, sữa tắm, xà phòng, chất tẩy rửa, khăn giấy, giấy vệ sinh...	100%
Công ty CP In Bạc Liêu	Số 160 Hoàng Văn Thụ, P.3, Tp. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước ; in báo chí tạp san, tài liệu giảng dạy và học tập, thông tin cổ đông ; in vé số, nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của Nhân dân ...	55%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và thông tư 202/2014/TT-BTC Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư này có hiệu lực thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 và thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính. Do ảnh hưởng thay đổi của việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo thông tư 200 và thông tư 202 so với quyết định 15, thông tư 244 và thông tư 161 nên các thông tin so sánh trên báo cáo tài chính kỳ này cũng đã được trình bày lại cho phù hợp với các quy định thông tư 200 và thông tư 202.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (công ty mẹ) và các công ty con.

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2015.

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư số 202/2014/TT-BTC Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”) thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2015

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã trình bày thuyết minh thông tin so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15, giữa Thông tư 202 và Thông tư 161 tại thuyết minh VII.11 của báo cáo tài chính hợp nhất

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
- Dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội

cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế

toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

20. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- i. Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- ii. Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	32.904.207.427	26.418.001.360
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.512.636.399	17.664.603.250
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn)	2.540.000.000	1.200.000.000

Cộng

54.956.843.826

45.282.604.610

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2015				01/01/2015			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Sabeco Sông Hậu	2.150	21.500.000		21.500.000	2.150	21.500.000		21.500.000
Công ty CP Thương mại kỹ thuật và đầu tư Petec	199.351	4.186.371.000	(2.192.861.000)	1.993.510.000	199.351	4.186.371.000		4.186.371.000
Công ty CP Xăng dầu đầu khí Sài Gòn	300.000	3.000.000.000		3.000.000.000	300.000	3.000.000.000		3.000.000.000
Công ty CP Vật Tư Xăng Dầu Petec	30.000	312.000.000		312.000.000	30.000	312.000.000		312.000.000
Công ty CP Cà Phê Petec	43.800	426.000.000		426.000.000	43.800	426.000.000		426.000.000
Công ty CP xi măng Hà Tiên 1	21.100	553.706.200	-	553.706.200	21.100	553.706.200	(186.566.200)	367.140.000
Cộng		8.499.577.200	(2.192.861.000)	6.306.716.200		8.499.577.200	(186.566.200)	8.313.011.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu khách hàng xăng dầu	2.607.983.433	3.841.818.784
Phải thu khách hàng bách hóa	81.210.815.949	87.683.155.956
Phải thu khách hàng kim khí điện máy	6.590.619.983	8.157.630.302
Phải thu khách hàng vật liệu xây dựng	97.921.150	108.979.850
Phải thu khách hàng khác	2.179.580.726	2.511.627.748
Cộng	92.686.921.241	102.303.212.640

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trả trước cho người bán bách hóa	7.190.780.063	2.835.582.437
Trả trước cho người bán khác	593.377.719	469.876.463
Cộng	7.784.157.782	3.305.458.900

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Tân Tiến vay	150.000.000	700.000.000
Cộng	150.000.000	700.000.000

6. Phải thu khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	25.975.225.951	26.873.202.590
Tạm ứng	1.456.526.178	820.284.037
Ký cược, ký quỹ	7.969.771.107	7.720.728.095
Phải thu tiền chi hộ chi phí nhân viên tiếp thị	-	28.474.694
Phải thu khuyến mãi	4.274.105.747	7.974.639.035
Phải thu khác	12.274.822.919	10.329.076.729
b) Phải thu dài hạn khác	1.603.040.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.603.040.000	-
Cộng	27.578.265.951	26.873.202.590

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Đơn vị tính : ngàn đồng					
Khách hàng xăng dầu	910.255	365.240	(545.015)	386.663	61.369	(325.294)
Khách hàng bách hóa	11.742.733	1.484.216	(10.258.517)	9.673.189	227.730	(9.445.459)
Khách hàng kim khí điện máy	922.818	158.989	(763.829)	922.472	182.437	(740.035)
Khách hàng khác	1.669.027	222.755	(1.446.272)	1.344.234	620.547	(723.687)
Cộng	15.244.833	2.231.200	(13.013.633)	12.326.558	1.092.083	(11.234.475)

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Hàng tồn kho	1.024.162.799	602.949.413
Cộng	1.024.162.799	602.949.413

Tài sản thiếu chờ xử lý sẽ được Công ty xử lý bằng cách thu hồi lại cán bộ công nhân viên gây ra thất thoát.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	10.922.545.285	-
Nguyên liệu, vật liệu	5.273.443.332	-	6.126.582.370	-
Công cụ, dụng cụ	521.534.153	-	466.231.725	-
Hàng hóa	339.213.274.372	-	303.676.879.492	(631.099.346)
Cộng	345.008.251.857	-	321.192.238.872	(631.099.346)

10. Chi phí trả trước

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	323.058.513	294.491.501
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	40.871.777	236.658.170
Chi phí thuê mặt bằng	239.100.000	57.833.331
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	43.086.736	-
b) Chi phí trả trước dài hạn	1.237.761.485	949.894.105
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	400.009.680	537.384.602
Chi phí thuê mặt bằng	837.751.805	279.545.455
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	132.964.048
Cộng	1.560.819.998	1.244.385.606

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	66.559.791.362	28.971.225.166	24.057.786.696	630.283.660	539.640.734	120.758.727.618
Số tăng trong năm	4.318.318.704	1.375.618.091	2.413.181.818	-	-	8.107.118.613
- Mua trong năm	-	1.375.618.091	2.413.181.818	-	-	3.788.799.909
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4.318.318.704	-	-	-	-	4.318.318.704
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	70.878.110.066	30.346.843.257	26.470.968.514	630.283.660	539.640.734	128.865.846.231
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	28.116.234.605	21.997.926.091	14.246.796.926	629.223.811	539.640.734	65.529.822.167
Khấu hao trong năm	3.191.053.090	1.727.381.733	1.596.586.059	1.059.849	-	6.516.080.731
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	31.307.287.695	23.725.307.824	15.843.382.985	630.283.660	539.640.734	72.045.902.898
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	38.443.556.757	6.973.299.075	9.810.989.770	1.059.849	-	55.228.905.451
Tại ngày cuối năm	39.570.822.371	6.621.535.433	10.627.585.529	-	-	56.819.943.333

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 27.145.324.299 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 25.361.607.646 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	33.839.745.183	849.221.480	34.688.966.663
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	33.839.745.183	849.221.480	34.688.966.663
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	329.640.796	849.221.480	1.178.862.276
Khấu hao trong năm	34.056.008	-	34.056.008
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	363.696.804	849.221.480	1.212.918.284
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	33.510.104.387	-	33.510.104.387
Tại ngày cuối năm	33.476.048.379	-	33.476.048.379

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 849.221.480 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 849.221.480 đồng).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí xây dựng dở dang khác	736.000.000	60.876.201
Cộng	736.000.000	60.876.201

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả nhà cung cấp Xăng dầu	55.806.032.320	136.358.116.652
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	19.482.730.639	5.608.263.297
- Tổng công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư - chi nhánh tại Cà Mau	14.851.122.000	118.735.053.355
- Công ty TNHH Xăng dầu Hồng Đức	-	12.014.800.000
- Phải trả nhà cung cấp xăng dầu khác	21.472.179.681	-
Phải trả nhà cung cấp Hàng bách hóa	56.943.096.864	58.088.591.399
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH dinh dưỡng 3A	28.273.113.023	15.835.075.299
- Công ty CP Thực phẩm dinh dưỡng Nutifood	13.246.667.834	2.997.163.158
- Nhà cung cấp bách hóa khác	15.423.316.007	39.256.352.942
Phải trả nhà cung cấp khác	14.676.772.634	15.014.306.471
Cộng	127.425.901.818	209.461.014.522

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Người mua trả tiền trước tiền xăng dầu	429.111.187	1.001.850.783
Trả trước của khách hàng khác	852.006.076	914.011.697
Cộng	1.281.117.263	1.915.862.480

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a) Thuế phải nộp	3.078.832.832	25.368.887.580	(25.212.584.581)	3.235.135.831
Thuế giá trị gia tăng	209.426.594	13.241.186.438	(13.179.781.379)	270.831.653
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.685.157.556	9.836.738.926	(9.570.304.726)	2.951.591.756
Thuế thu nhập cá nhân	184.248.682	577.472.409	(749.008.669)	12.712.422
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.697.489.807	(1.697.489.807)	-
Các loại thuế khác	-	16.000.000	(16.000.000)	-
b) Thuế phải thu	-	-	(182.074.309)	(182.074.309)
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	(182.074.309)	(182.074.309)

17. Chi phí phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí lãi vay phải trả	183.470.172	143.730.710
Chi phí phải trả khác	1.126.095.570	962.976.662
Cộng	1.309.565.742	1.106.707.372

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	6.675.247.867	2.983.969.043
Tài sản thừa chờ xử lý	187.988.435	174.908.497
Kinh phí công đoàn	474.288.142	319.504.487
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	722.777.427	58.944.888
Phải trả về cổ phần hóa	216.502.269	216.502.269
Cổ tức phải trả	1.774.515.695	1.710.705.535
Phải trả khác	3.299.175.899	503.403.367
b) Phải trả dài hạn khác	-	-

Cộng

6.675.247.867

2.983.969.043

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2015		Trong kỳ		31/12/2015
	Giá trị VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
Vay ngắn hạn	204.652.761.836	1.953.224.850.642	(1.861.314.062.350)		296.563.550.128
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (1)	42.626.176.561	504.647.005.890	(489.169.206.686)		58.103.975.765
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (2)	117.391.330.700	1.144.199.238.574	(1.071.674.425.447)		189.916.143.827
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (3)	44.635.254.575	100.922.597.287	(135.385.718.436)		10.172.133.426
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (4)	-	121.793.671.730	(102.479.491.730)		19.314.180.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (5)	-	81.662.337.161	(62.605.220.051)		19.057.117.110
Cộng	204.652.761.836	1.953.224.850.642	(1.861.314.062.350)		296.563.550.128

(1) Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau theo hợp đồng tín dụng số 15.088.002/2015-HĐTDHM/NHCT 860 ngày 06/04/2015. Hạn mức tín dụng là 60 tỷ, lãi suất vay 5,5%/năm, thời hạn vay là 2 tháng kể từ ngày nhận nợ. Vay để bổ sung vốn lưu động. Hình thức đảm bảo khoản vay là tín chấp.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau theo hợp đồng tín dụng số 0753/2015/NHNT ngày 05/06/2015. Hạn mức tín dụng là 150 tỷ, lãi suất vay là 5,3%/năm, thời hạn vay là 2 tháng kể từ ngày nhận nợ. Vay để bổ sung vốn lưu động. Hình thức đảm bảo khoản vay là tín chấp.

(3) Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam theo hợp đồng số 206/2015/860043 ngày 26/11/2015. Hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng, lãi suất vay 5,5%/năm. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 30/9/2016. Vay để bổ sung vốn lưu động. Hình thức bảo đảm khoản vay là tín chấp.

(4) Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM 111810 ngày 26/06/2012 và Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số 141563 ngày 12/01/2015 sửa đổi bổ sung. Lãi suất vay là 5,0%/năm, thời hạn vay là 1,5 tháng kể từ ngày nhận nợ. Vay để bổ sung vốn lưu động. Hình thức đảm bảo khoản vay là tín chấp.

(5) Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng cấp tín dụng số CMU20150171/HĐCTD được lập ngày 17/06/2015 để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền hàng cho các nhà cung cấp với hạn mức thấu chi 45 tỷ đồng, thời hạn trả nợ gốc vay là hết thời hạn sử dụng hạn mức thấu chi là 12 tháng, lãi suất thấu chi áp dụng kể từ ngày cấp hạn mức thấu chi cho đến ngày 30-09-2015 là 5,5% và sẽ được điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Khoản vay thấu chi này được thế chấp theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng số CMU20150220/HĐTC ký ngày 16/06/2015 với tài sản thế chấp là hàng hóa từ các nhà cung cấp cung cấp cho Công ty.

20. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Bán hàng hóa trả chậm	1.581.462.500	1.733.066.600
Cộng	1.581.462.500	1.733.066.600

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	121.039.120.000	1.750.000.000	10.738.023.541	9.495.714.980	11.498.832.340	8.971.400.591	163.493.091.452
Lãi trong năm trước					24.154.375.675	1.367.665.386	25.522.041.061
Điều chỉnh trích quỹ năm trước theo nghị quyết đại hội cổ đông			(2.790.314.503)	(1.202.225.683)	4.563.808.674		571.268.488
Trích lập các quỹ năm 2014			1.207.718.784	1.207.718.783	(4.830.875.135)	(388.526.591)	(2.803.964.159)
Chia bổ sung cổ tức năm 2013					(13.314.303.200)	(508.496.100)	(13.822.799.300)
Tạm ứng cổ tức năm 2014					(12.103.912.000)	(157.500.000)	(12.261.412.000)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát					(462.870.000)	(68.850.000)	(531.720.000)
Biến động khác			(148.004.972)	(23.897.544)	126.307.890	(2.996.725.254)	(3.042.319.880)
Số dư cuối năm trước	121.039.120.000	1.750.000.000	9.007.422.850	9.477.310.536	9.631.364.244	6.218.968.032	157.124.185.662
Số dư đầu năm nay	121.039.120.000	1.750.000.000	18.484.733.386		9.631.364.244	6.218.968.032	157.124.185.662
Lãi trong năm nay					30.176.694.523	1.263.436.980	31.440.131.503
Tạm trích lập các quỹ năm nay			231.630.113		(540.470.263)	(252.687.396)	(561.527.546)
Chia bổ sung cổ tức năm 2014					(6.051.956.000)	(315.000.000)	(6.366.956.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2015					(12.103.912.000)	(157.500.000)	(12.261.412.000)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát					(356.850.000)	(66.150.000)	(423.000.000)
Biến động khác					(5.798.683)	(4.744.377)	(10.543.060)
Số dư cuối năm nay	121.039.120.000	1.750.000.000	18.716.363.499		20.749.071.821	6.686.323.239	168.940.878.559

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015	%	01/01/2015	%
	VND		VND	
Vốn Nhà nước	44.334.250.000	36,63	44.334.250.000	36,63
Vốn góp của đối tượng khác:	76.704.870.000	63,37	76.704.870.000	63,37
+ Nhà đầu tư chiến lược	29.360.240.000	24,25	29.360.240.000	24,25
+ Các cổ đông còn lại	47.344.630.000	39,12	47.344.630.000	39,12
Cộng	121.039.120.000	100,00	121.039.120.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	121.039.120.000	121.039.120.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	121.039.120.000	121.039.120.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	(18.155.868.000)	(25.418.215.200)

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.103.912	12.103.912
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.103.912	12.103.912
- Cổ phiếu phổ thông	12.103.912	12.103.912
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.103.912	12.103.912
- Cổ phiếu phổ thông	12.103.912	12.103.912

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2015		01/01/2015	
	Góc ngoại tệ	VND	Góc ngoại tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý		709.311.732		710.320.611
Ngoại tệ các loại (USD)	542,83	8.689.159	542,38	8.687.342

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán xăng dầu	1.272.961.196.122	1.829.233.512.971
Doanh thu bán hàng bách hóa	2.552.057.785.255	2.259.881.846.386
Doanh thu khác	249.219.286.283	288.269.677.808
Cộng	4.074.238.267.660	4.377.385.037.165

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hàng bán bị trả lại	678.344.649	173.474.625
Cộng	678.344.649	173.474.625

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán xăng dầu	1.272.961.196.122	1.829.233.512.971
Doanh thu thuần bán hàng bách hóa	2.551.379.440.606	2.259.708.371.761
Doanh thu thuần khác	249.219.286.283	288.269.677.808
Cộng	4.073.559.923.011	4.377.211.562.540

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán xăng dầu	1.218.991.122.361	1.782.509.069.465
Giá vốn hàng bán bách hóa	2.498.913.443.415	2.195.106.503.985
Giá vốn khác	224.544.988.304	260.526.637.868
Dự phòng/(hoàn nhập) chi phí dự phòng	(631.099.346)	631.099.346
Cộng	3.941.818.454.734	4.238.773.310.664

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	350.936.885	581.887.470
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.845.000	108.011.100
Lãi bán hàng trả chậm	-	1.528.833.287
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.065.067.666	172.270.042
Cộng	1.419.849.551	2.391.001.899

6. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	11.866.493.191	8.987.264.442
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	809.640.000
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư	2.006.294.800	(261.640.000)
Chi phí tài chính khác	1.494.975.174	1.426.526.697
Cộng	15.367.763.165	10.961.791.139

7. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	63.352.035.632	58.540.145.422
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	5.146.113.584	4.896.252.852
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.146.600.444	5.264.319.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.490.498.316	19.521.374.695
Chi phí bằng tiền khác	3.480.529.744	6.868.943.055
Cộng	89.615.777.720	95.091.035.042

8. Chi phí quản lý

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	15.417.029.187	14.457.127.793
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	375.644.706	350.835.333
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.643.392	58.828.514

Chi phí thuế, phí, lệ phí	1.804.871.508	1.608.345.106
Trích lập dự phòng	1.779.157.216	4.631.386.323
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.046.204.331	2.617.098.286
Chi phí bằng tiền khác	4.358.307.189	4.112.670.842
Cộng	25.808.857.529	27.836.292.197

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	123.578.636
Thu từ các khoản thưởng, khuyến mại, chiết khấu, hỗ trợ bán hàng	29.674.009.218	22.856.254.504
Thu từ các khoản nợ đã xóa	1.008.879	2.910.000
Thu từ các khoản vi phạm hợp đồng	3.165.000	27.747.000
Thu nhập từ hàng thừa	5.427.450.825	944.768.296
Thu nhập khác	4.583.521.889	2.669.043.095
Cộng	39.689.155.811	26.624.301.531

10. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt hành chính	230.696.368	60.589.747
Chi phí khác	573.415.258	20.976.784
Cộng	804.111.626	81.566.531

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 22% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.813.832.095	7.960.829.336
Điều chỉnh chi phí thuế các năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành	9.813.832.095	7.960.829.336

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.175.937.725	24.154.375.675
Các khoản điều chỉnh (*)	(308.840.150)	(2.415.437.568)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(308.840.150)	(2.415.437.568)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(308.840.150)	(2.415.437.568)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	29.867.097.575	21.738.938.107
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.103.912	12.103.912
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.468	1.796

(*) Năm nay Công ty chưa thực hiện điều chỉnh tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi do quỹ này chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	87.284.463.744	74.994.274.011
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.879.490.004	22.921.092.377
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.550.136.739	6.765.094.767
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.063.974.553	24.971.254.044
Chi phí khác bằng tiền	11.422.865.654	16.725.937.177
Cộng	143.200.930.694	146.377.652.376

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Khoản nợ tiềm tàng

Ngày 23 tháng 08 năm 2011, SCIC đã ban hành Công văn số 1841/ĐTKDV-TCKT yêu cầu Công ty phải nộp số tiền lãi chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp với số tiền 9.653.826.133 đồng. Ngày 17 tháng 11 năm 2011, Công ty có Công văn số 83/TNCM gửi SCIC không tính lãi phần chậm nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp và nhờ Toà án kinh tế xét xử vấn đề này. Ngày 01 tháng 12 năm 2012 SCIC đã tổ chức cuộc họp với Hội đồng Quản trị Công ty và các cơ quan liên quan của Tỉnh Cà Mau về khoản lãi chậm nộp của Công ty, *ý kiến của Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp, Sở tài chính và Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Cà mau và Hội đồng Quản trị Công ty đều không đồng ý về việc tính lãi chậm nộp của Công ty.* Do chưa có sự thống nhất giữa Công ty, các cơ quan chức năng có liên quan của Tỉnh Cà Mau và SCIC về khoản chậm nộp nên ngày 29 tháng 10 năm 2012 SCIC đã có Công văn số 1962/ĐTKDV-TCKT gửi Bộ tài chính xin ý kiến chỉ đạo xử lý dứt điểm vấn đề này. Tuy nhiên đến thời điểm này vẫn chưa có ý kiến chỉ đạo của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền về vấn đề này.

Ngày 14 tháng 10 năm 2013, SCIC ban hành Công văn số 2276/ĐTKDV-TCKT yêu cầu Công ty phải nộp số tiền lãi chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp với số tiền giảm xuống còn 2.861.719.313 đồng.

Ngày 31 tháng 07 năm 2014, SCIC ban hành Công văn số 1740/ĐTKDV-TCKT yêu cầu Công ty phải nộp số tiền lãi chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp với số tiền giảm xuống còn 2.859.469.313 đồng. Sau đó, SCIC đã có Công văn số 109/ĐTKDV-TCKT ngày 20/1/2015 xác định lại số tiền chậm nộp tiền thu về cổ phần hóa về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tăng lên là 4.175.239.987 đồng.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang tiếp tục làm việc với SCIC và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về khoản lãi chậm nộp trên. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể phát sinh từ sự kiện này

3. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban điều hành trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.856.710.349	2.517.040.000

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý
Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh của công ty như sau :

- i. Kinh doanh xăng dầu ;
- ii. Kinh doanh bách hóa tổng hợp ;
- iii. Kinh doanh khác: các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy ...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Năm nay	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh bách hóa	Kinh doanh khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.272.961.196.122	2.551.379.440.606	288.908.442.094	4.113.249.078.822
Các chi phí trực tiếp	(1.240.165.790.430)	(2.550.224.127.618)	(231.001.713.132)	(4.021.391.631.180)
Kết quả kinh doanh bộ phận	32.795.405.692	1.155.312.988	57.906.728.962	91.857.447.642
Các chi phí không phân bổ				(36.655.570.430)
Thu nhập tài chính				1.419.849.551
Chi phí tài chính				(15.367.763.165)
Lợi nhuận trước thuế				41.253.963.598
Chi phí thuế TNDN				(9.813.832.095)
Lợi nhuận sau thuế trong năm				31.440.131.503
Vào ngày 31/12/2015				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	40.347.663.441	360.720.729.126	31.397.306.032	432.465.698.599
Tiền và các khoản tương đương tiền				54.956.843.826
Các khoản đầu tư				6.306.716.200
Tài sản không phân bổ				127.056.232.381
Tổng tài sản				620.785.491.006
Nợ phải trả của bộ phận	60.217.500.699	56.677.338.466	11.812.179.916	128.707.019.081
Nợ phải trả không phân bổ				323.137.593.366
Tổng nợ phải trả				451.844.612.447

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Năm trước	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh bách hóa	Kinh doanh khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.870.573.287.879	2.259.708.371.761	273.554.204.431	4.403.835.864.071
Các chi phí trực tiếp	(1.828.021.255.616)	(2.240.227.862.662)	(243.603.032.132)	(4.311.852.150.410)
Kết quả kinh doanh bộ phận	42.552.032.263	19.480.509.099	29.951.172.300	91.983.713.662
Các chi phí không phân bổ				(49.930.054.024)
Thu nhập tài chính				2.391.001.899
Chi phí tài chính				(10.961.791.139)
Lợi nhuận trước thuế				33.482.870.397
Chi phí thuế TNDN				(7.960.829.336)
Lợi nhuận sau thuế trong năm				25.522.041.061
Vào ngày 31/12/2014				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	50.576.915.421	332.832.210.592	31.526.209.988	414.935.336.001
Tiền và các khoản tương đương tiền				45.282.604.610
Các khoản đầu tư				9.013.011.000
Tài sản không phân bổ				124.087.374.449
Tổng tài sản				593.318.326.060
Nợ phải trả của bộ phận	143.548.092.347	58.210.269.534	9.618.515.121	211.376.877.002
Nợ phải trả không phân bổ				224.747.063.396
Tổng nợ phải trả				436.123.940.398

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.956.843.826	45.282.604.610	54.956.843.826	45.282.604.610
Phải thu khách hàng và phải thu khác	105.795.028.733	117.121.656.128	105.795.028.733	117.121.656.128
Cho vay	150.000.000	700.000.000	150.000.000	700.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	6.306.716.200	8.313.011.000	6.306.716.200	8.313.011.000
Cộng	167.208.588.759	171.417.271.738	167.208.588.759	171.417.271.738
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	296.563.550.128	204.652.761.836	296.563.550.128	204.652.761.836
Phải trả người bán	127.425.901.818	209.461.014.522	127.425.901.818	209.461.014.522
Chi phí phải trả	1.309.565.742	1.106.707.372	1.309.565.742	1.106.707.372
Phải trả khác	5.290.193.863	2.430.611.171	5.290.193.863	2.430.611.171
Cộng	430.589.211.551	417.651.094.901	430.589.211.551	417.651.094.901

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

6. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho các khoản vay ngân hàng vào ngày 31/12/2015 (xem thuyết minh V.19). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2014 và vào ngày 31/12/2015.

7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	430.589.211.551	-	430.589.211.551
Các khoản vay	296.563.550.128	-	296.563.550.128
Phải trả người bán	127.425.901.818	-	127.425.901.818
Chi phí phải trả	1.309.565.742	-	1.309.565.742
Phải trả khác	5.290.193.863	-	5.290.193.863
Số đầu năm	417.651.094.901	-	417.651.094.901
Các khoản vay	204.652.761.836	-	204.652.761.836
Phải trả người bán	209.461.014.522	-	209.461.014.522
Chi phí phải trả	1.106.707.372	-	1.106.707.372
Phải trả khác	2.430.611.171	-	2.430.611.171

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá nhiên liệu và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

10. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài Chính đã ban hành thông tư 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và thông tư số 202/2014/TT-BTC Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính 2015. Từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng thông tư 200 và thông tư 202 và trình bày lại các chỉ tiêu có thay đổi so với Quyết định số 15 và Thông tư 161 tại ngày đầu năm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202, một số chỉ tiêu tại ngày 31/12/2014 trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất được điều chỉnh và trình bày lại như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Số liệu tại ngày 31/12/2014		
	Số trước điều chỉnh (1)	Số trình bày lại (2)	Chênh lệch (3) = (2) - (1)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	495.091.090.051	495.091.090.051	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	700.000.000	-	(700.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	112.706.386.933	122.550.348.478	9.843.961.545
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	700.000.000	700.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	18.332.190.458	26.873.202.590	8.541.012.132
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	-	602.949.413	602.949.413
IV. Tài sản ngắn hạn khác	15.840.958.982	6.696.997.437	(9.143.961.545)
5. Tài sản ngắn hạn khác	9.143.961.545	-	(9.143.961.545)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	98.127.236.009	98.127.236.009	-
I. Tài sản cố định	88.799.886.039	88.739.009.838	(60.876.201)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	60.876.201	-	(60.876.201)
II. Tài sản dở dang dài hạn	-	60.876.201	60.876.201
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	60.876.201	60.876.201

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Số liệu tại ngày 31/12/2014

	Số trước điều chỉnh (1)	Số trình bày lại (2)	Chênh lệch (3) = (2) - (1)
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ	150.905.217.630	157.124.185.662	6.218.968.032
I. Vốn chủ sở hữu	150.905.217.630	157.124.185.662	6.218.968.032
3. Quỹ đầu tư phát triển	9.007.422.850	18.484.733.386	9.477.310.536
4. Quỹ dự phòng tài chính	9.477.310.536	-	(9.477.310.536)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	6.218.968.032	6.218.968.032
E. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	6.218.968.032	-	(6.218.968.032)

11. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tấn Vạn
Ngày 12 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Tấn Vạn

Nguyễn Thị Việt Ánh